

KẾ HOẠCH

Triển khai thực hiện danh mục thủ tục hành chính thực hiện giảm 30% thời gian giải quyết so với quy định hiện hành thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND phường

Căn cứ Quyết định số 2351/QĐ-UBND ngày 15/12/2025 của UBND tỉnh An Giang về việc công bố danh mục thủ tục hành chính thực hiện giảm 30% thời gian giải quyết so với quy định hiện hành thuộc thẩm quyền giải quyết của các cấp chính quyền trên địa bàn tỉnh An Giang, Công văn số 2359/UBND-HCC ngày 29/12/2025 của UBND tỉnh An Giang về việc đẩy mạnh triển khai thực hiện danh mục giảm 30% thời gian giải quyết TTHC so với quy định, UBND phường Rạch Giá xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện Quyết định công bố danh mục thủ tục hành chính thực hiện giảm 30% thời gian giải quyết so với quy định hiện hành thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND phường, cụ thể như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

Tổ chức triển khai đồng bộ, hiệu quả Quyết định số 2351/QĐ-UBND ngày 15/12/2025 của UBND tỉnh An Giang về việc công bố danh mục thủ tục hành chính thực hiện giảm 30% thời gian giải quyết so với quy định hiện hành thuộc thẩm quyền giải quyết của các cấp chính quyền trên địa bàn tỉnh An Giang.

Nâng cao chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp; đẩy mạnh cải cách hành chính, chuyển đổi số phường. Rà soát quy trình giải quyết TTHC, bảo đảm đúng quy định, không làm phát sinh thủ tục, giấy tờ không cần thiết.

Việc cắt giảm thời gian giải quyết TTHC phải thực chất, khả thi, gắn với trách nhiệm của từng đơn vị. Bảo đảm công khai, minh bạch, đúng quy định pháp luật. Phối hợp chặt chẽ giữa Trung tâm Phục vụ hành chính công phường và các phòng chuyên môn.

II. NỘI DUNG THỰC HIỆN

- Tổng số TTHC thực hiện giảm 30% thời gian giải quyết so với quy định hiện hành là 361 thủ tục, cụ thể Phòng Kinh tế - Hạ tầng và Đô thị phường 158 thủ tục, Phòng Văn hóa – Xã hội phường 149 thủ tục, Văn phòng HĐND-UBND phường 54 thủ tục (đính kèm phục lục).

- Tổ chức, thực hiện sau khi có quy trình nội bộ của UBND tỉnh ban



hành. Thường xuyên kiểm tra, rà soát các TTHC cắt giảm 30% thời gian giải quyết trên Cổng dịch vụ công Quốc gia, Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của Bộ, ngành, tỉnh.

- Triển khai, thực hiện các bước đảm bảo theo quy trình và thời gian quy định theo quy trình nội bộ tỉnh ban hành.

- Thực hiện tiếp nhận, chuyển xử lý, trả kết quả đồng bộ giữa hồ sơ giấy và hồ sơ điện tử; số hóa hồ sơ đảm bảo theo quy định.

- Tăng cường sử dụng hồ sơ điện tử, dữ liệu số hóa; khai thác thông tin từ CSDL quốc gia, không yêu cầu người dân nộp lại giấy tờ đã có.

- Theo dõi, kiểm tra tiến độ giải quyết trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của Bộ, ngành, tỉnh; kịp thời đôn đốc, nhắc nhở, xử lý hồ sơ, không để hồ sơ trễ hạn.

- Công khai thời gian giải quyết đã được cắt giảm để người dân, doanh nghiệp giám sát.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Trung tâm Phục vụ hành chính công phường

Là đầu mối tham mưu UBND phường triển khai thực hiện Quyết định giảm 30% thời gian giải quyết TTHC.

Chủ trì rà soát toàn bộ danh mục TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND phường đang thực hiện tại Trung tâm. Phối hợp với các phòng, bộ phận chuyên môn kiến nghị Sở, ban, ngành tỉnh điều chỉnh quy trình nội bộ giải quyết TTHC bảo đảm rút ngắn thời gian theo quy định.

Công khai thời gian giải quyết TTHC sau khi cắt giảm tại trụ sở Trung tâm và các kênh thông tin phù hợp. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, hướng dẫn người dân, tổ chức thực hiện TTHC theo quy trình mới, thời gian giải quyết mới sau khi cắt giảm.

Theo dõi, tổng hợp kết quả thực hiện; định kỳ báo cáo UBND phường theo quy định. Tham mưu UBND phường đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện cắt giảm thời gian giải quyết TTHC của các phòng, bộ phận chuyên môn.

2. Các phòng chuyên môn phường

Căn cứ theo danh mục TTHC đính kèm thuộc đơn vị mình tổ chức triển khai, thực hiện đảm bảo theo quy định.

Phối hợp với Trung tâm Phục vụ hành chính công phường trong công tác rà soát các TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND phường, để triển khai thực hiện đảm bảo theo quy định.

Phân công công chức phụ trách cụ thể, rõ ràng trong việc giải quyết TTHC đảm bảo việc giải quyết hồ sơ đúng quy trình, đúng thời gian đã được cắt giảm; chịu trách nhiệm trước UBND phường về kết quả thực hiện.

3. Trung tâm Dịch vụ tổng hợp phường

Chủ trì, phối hợp với Trung tâm Phục vụ hành chính công phường đẩy mạnh công tác tuyên truyền hướng dẫn người dân và tổ chức thực hiện TTHC theo quy trình mới, thời gian giải quyết mới sau khi cắt giảm.

Trên đây là Kế hoạch triển khai thực hiện danh mục thủ tục hành chính thực hiện giảm 30% thời gian giải quyết so với quy định hiện hành thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND phường. Trong quá trình thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc đề nghị cơ quan, đơn vị phản ánh về UBND phường (thông qua Trung tâm Phục vụ hành chính công phường tổng hợp) để xem xét, giải quyết. /.

Nơi nhận:

- Đảng ủy phường;
- CT và các PCT UBND phường;
- Các phòng chuyên môn UBND phường;
- Lãnh đạo, công chức TTPVHCC phường;
- Lưu: VT.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Dương Hồng Tuấn



PHỤ LỤC

Danh mục thủ tục hành chính thực hiện giải quyết sơ với quy định hiện hành thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND phường



STT	Mã TTHC	Tên TTHC	QĐ Công bố	Lĩnh vực	Rà soát, cắt giảm thời gian giải quyết TTHC				Mức độ cung cấp DVCTT		Cơ quan tham mưu giải quyết
					Thời gian TTHC (theo quy định)	Thời gian còn lại sau khi Giảm 30%	Đơn vị tính (theo cột 8)	Toàn trình (158)	Một phần (201)		
1	1.012538.H01	Giải quyết chế độ, chính sách cho người tham gia lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở chưa tham gia bảo hiểm xã hội mà bị tai nạn, chết khi thực hiện nhiệm vụ	1480/QĐ-UBND	Chính sách (Bộ Công an)	05 Ngày làm việc	3.5 Ngày làm việc			x		Phòng Văn hóa - Xã hội
2	1.012537.H01	Giải quyết chế độ, chính sách cho người tham gia lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở chưa tham gia bảo hiểm y tế mà bị ốm đau, bị tai nạn, bị thương khi thực hiện nhiệm vụ	1480/QĐ-UBND	Chính sách (Bộ Công an)	02 Ngày làm việc	1.4 Ngày làm việc			x		Phòng Văn hóa - Xã hội
3	1.013314.H01	Xác nhận về điều kiện diện tích bình quân nhà ở để đăng ký thường trú vào chỗ ở do thuê, mượn, ở nhờ, nhà ở, đất ở không có tranh chấp quyền sở hữu nhà ở, quyền sử dụng đất ở, không thuộc địa điểm không được đăng ký thường trú mới	353/QĐ-UBND	Đăng ký, quản lý cư trú (Bộ Công an)	02 ngày làm việc	1.4 Ngày làm việc			x		Phòng Kinh tế - Hạ tầng và Đô thị
4	1.013313.H01	Xác nhận nơi thường xuyên đậu, đỗ, sử dụng phương tiện vào mục đích để ở	353/QĐ-UBND	Đăng ký, quản lý cư trú (Bộ Công an)	02 ngày làm việc	1.4 Ngày làm việc			x		Phòng Kinh tế - Hạ tầng và Đô thị
5	3.000494.H01	Phục hồi hoạt động của cơ sở, phương tiện giao thông cơ giới, hộ gia đình và cá nhân	407/QĐ-UBND	Phòng cháy, chữa cháy (Bộ Công an)	7 Ngày làm việc	4.9 Ngày làm việc			x		Phòng Văn hóa - Xã hội
6	3.000509.H01	Chế độ, chính sách đối với người được huy động, người tham gia phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ chưa tham gia bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội mà bị tai nạn, bị thương	407/QĐ-UBND	Phòng cháy, chữa cháy (Bộ Công an)	5 Ngày làm việc	3.5 Ngày làm việc			x		Phòng Văn hóa - Xã hội
7	3.000510.H01	Chế độ, chính sách đối với người được huy động, người tham gia phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ chưa tham gia bảo hiểm xã hội bị chết	407/QĐ-UBND	Phòng cháy, chữa cháy (Bộ Công an)	5 Ngày làm việc	3.5 Ngày làm việc			x		Phòng Văn hóa - Xã hội
8	3.000527.H01	Đăng ký cai nghiện ma túy tự nguyện	1474/QĐ-UBND	Tổ chức cai nghiện ma túy và quản lý sau cai nghiện (Bộ Công an)	03 ngày làm việc	2.1 Ngày làm việc			x		Phòng Văn hóa - Xã hội
9	2.002096.000.00.00.H01	Cấp Giấy chứng nhận sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu cấp xã	1154/QĐ-UBND	Công nghiệp địa phương (Bộ Công Thương)	30 Ngày làm việc	21 Ngày làm việc			x		Phòng Kinh tế - Hạ tầng và Đô thị
10	2.001261.000.00.00.H01	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện cửa hàng bán lẻ LPG chai	1887/QĐ-UBND	Kinh doanh khí (Bộ Công Thương)	7 Ngày làm việc	4.9 Ngày làm việc			x		Phòng Kinh tế - Hạ tầng và Đô thị
11	2.001270.000.00.00.H01	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện cửa hàng bán lẻ LPG chai	1887/QĐ-UBND	Kinh doanh khí (Bộ Công Thương)	7 Ngày làm việc	4.9 Ngày làm việc			x		Phòng Kinh tế - Hạ tầng và Đô thị
12	2.001283.000.00.00.H01	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện cửa hàng bán lẻ LPG chai	1887/QĐ-UBND	Kinh doanh khí (Bộ Công Thương)	15 Ngày làm việc	10.5 Ngày làm việc			x		Phòng Kinh tế - Hạ tầng và Đô thị
13	2.000615.000.00.00.H01	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán lẻ rượu	1072/QĐ-UBND	Lưu thông hàng hóa trong nước (Bộ Công Thương)	7 Ngày làm việc	4.9 Ngày làm việc			x		Phòng Kinh tế - Hạ tầng và Đô thị

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	QĐ Công bố	Lĩnh vực	Rà soát, cắt giảm thời gian giải quyết TTHC			Mức độ cung cấp DVCTT		Cơ quan tham mưu giải quyết
					Thời gian TTHC (theo quy định)	Thời gian còn lại sau khi Giảm 30%	Đơn vị tính (theo cột 8)	Toàn trình (158)	Một phần (201)	
1	2	3	4	5	8	9	10	13	14	
14	2.000620.000.00.00.H01	Cấp Giấy phép bán lẻ rượu	1072/QĐ-UBND	Lưu thông hàng hóa trong nước (Bộ Công Thương)	10 Ngày làm việc	7 Ngày làm việc	7 Ngày làm việc	x		Phòng Kinh tế - Hạ tầng và Đô thị
15	2.001240.000.00.00.H01	Cấp lại Giấy phép bán lẻ rượu	1072/QĐ-UBND	Lưu thông hàng hóa trong nước (Bộ Công Thương)	7 Ngày làm việc	4.9 Ngày làm việc	4.9 Ngày làm việc	x		Phòng Kinh tế - Hạ tầng và Đô thị
16	1.001279.000.00.00.H01	Cấp lại Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh	1887 /QĐ-UBND	Lưu thông hàng hóa trong nước (Bộ Công Thương)	7 Ngày làm việc	4.9 Ngày làm việc	4.9 Ngày làm việc	x		Phòng Kinh tế - Hạ tầng và Đô thị
17	2.000629.000.00.00.H01	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh	1887 /QĐ-UBND	Lưu thông hàng hóa trong nước (Bộ Công Thương)	7 Ngày làm việc	4.9 Ngày làm việc	4.9 Ngày làm việc	x		Phòng Kinh tế - Hạ tầng và Đô thị
18	2.000633.000.00.00.H01	Cấp Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh	1887 /QĐ-UBND	Lưu thông hàng hóa trong nước (Bộ Công Thương)	10 Ngày làm việc	7 Ngày làm việc	7 Ngày làm việc	x		Phòng Kinh tế - Hạ tầng và Đô thị
19	2.000150.000.00.00.H01	Cấp lại Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá	1154/QĐ-UBND	Lưu thông hàng hóa trong nước (Bộ Công Thương)	15 Ngày làm việc	10.5 Ngày làm việc	10.5 Ngày làm việc	x		Phòng Kinh tế - Hạ tầng và Đô thị
20	2.000162.000.00.00.H01	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá	1154/QĐ-UBND	Lưu thông hàng hóa trong nước (Bộ Công Thương)	15 Ngày làm việc	10.5 Ngày làm việc	10.5 Ngày làm việc	x		Phòng Kinh tế - Hạ tầng và Đô thị
21	2.000181.000.00.00.H01	Cấp Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá	1154/QĐ-UBND	Lưu thông hàng hóa trong nước (Bộ Công Thương)	15 Ngày làm việc	10.5 Ngày làm việc	10.5 Ngày làm việc	x		Phòng Kinh tế - Hạ tầng và Đô thị
22	1.012569.H01	Thu hồi tài sản kết cấu hạ tầng chợ	1072/QĐ-UBND	Tài sản kết cấu hạ tầng chợ do Nhà nước đầu tư, quản lý (Bộ Công Thương)	45 Ngày	31.5 Ngày			x	Phòng Kinh tế - Hạ tầng và Đô thị
23	1.012568.H01	Giao tài sản kết cấu hạ tầng chợ do cấp xã quản lý	1072/QĐ-UBND	Tài sản kết cấu hạ tầng chợ do Nhà nước đầu tư, quản lý (Bộ Công Thương)	60 Ngày	42 Ngày			x	Phòng Kinh tế - Hạ tầng và Đô thị
24	1.012975.H01	Cho phép cơ sở giáo dục khác thực hiện chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học	1052/QĐ-UBND	Các cơ sở giáo dục khác (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	10 Ngày	7 Ngày			x	Phòng Văn hóa - Xã hội
25	3.000309.H01	Thành lập lớp dành cho người khuyết tật trong trường mầm non, trường tiểu học, trường trung học cơ sở và trung tâm giáo dục thường xuyên, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên thực hiện các chương trình xóa mù chữ và chương trình giáo dục thường xuyên cấp trung học cơ sở	1052/QĐ-UBND	Các cơ sở giáo dục khác (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	30 ngày	21 Ngày			x	Phòng Văn hóa - Xã hội
26	1.012974.H01	Giải thể cơ sở giáo dục mầm non độc lập (theo đề nghị của tổ chức, cá nhân thành lập trường)	1052/QĐ-UBND	Giáo dục mầm non (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	10 Ngày	7 Ngày			x	Phòng Văn hóa - Xã hội
27	1.012973.H01	Sáp nhập, chia, tách cơ sở giáo dục mầm non độc lập	1052/QĐ-UBND	Giáo dục mầm non (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	20 ngày làm việc	14 Ngày làm việc			x	Phòng Văn hóa - Xã hội
28	1.012972.H01	Cho phép cơ sở giáo dục mầm non độc lập hoạt động trở lại	1052/QĐ-UBND	Giáo dục mầm non (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	7 Ngày làm việc	4.9 Ngày làm việc			x	Phòng Văn hóa - Xã hội
29	1.012971.H01	Thành lập hoặc cho phép thành lập cơ sở giáo dục mầm non độc lập	1052/QĐ-UBND	Giáo dục mầm non (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	15 ngày	10.5 Ngày			x	Phòng Văn hóa - Xã hội
30	1.012962.H01	Giải thể trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ	1052/QĐ-UBND	Giáo dục mầm non (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	10 Ngày	7 Ngày			x	Phòng Văn hóa - Xã hội
31	1.012961.H01	Thành lập hoặc cho phép thành lập trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ	1052/QĐ-UBND	Giáo dục mầm non (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	20 ngày làm việc	14 Ngày làm việc			x	Phòng Văn hóa - Xã hội
32	1.006445.000.00.00.H01	Sáp nhập, chia, tách trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ	1052/QĐ-UBND	Giáo dục mầm non (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	20 Ngày làm việc	14 Ngày làm việc			x	Phòng Văn hóa - Xã hội
33	1.006444.000.00.00.H01	Cho phép trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ hoạt động giáo dục trở lại	1052/QĐ-UBND	Giáo dục mầm non (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	20 Ngày làm việc	14 Ngày làm việc			x	Phòng Văn hóa - Xã hội

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	QP Công bố	Lĩnh vực	Rà soát, cắt giảm thời gian giải quyết TTHC				Mức độ cung cấp DVCTT		Cơ quan tham mưu giải quyết
					Thời gian TTHC (theo quy định)	Thời gian còn lại sau khi Giảm 30%	Đơn vị tính (theo cột 8)	Tàn trình (158)	Một phần (201)		
1	2	3	4	5	8	9	10	13	14		
34	1.006390.000.00.00.H01	Cho phép trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ hoạt động giáo dục	1052/QĐ-UBND	Giáo dục mầm non (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	20 Ngày làm việc	14 Ngày làm việc			x	Phòng Văn hóa - Xã hội	
35	1.012970.H01	Cho phép trường tâm học tập cộng đồng hoạt động trở lại	1052/QĐ-UBND	Giáo dục thường xuyên (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	7 Ngày làm việc	4.9 Ngày làm việc			x	Phòng Văn hóa - Xã hội	
36	1.012969.H01	Thành lập hoặc cho phép thành lập trường tâm học tập cộng đồng	1052/QĐ-UBND	Giáo dục thường xuyên (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	20 ngày	14 Ngày			x	Phòng Văn hóa - Xã hội	
37	3.000308.H01	Giải thể trung tâm học tập cộng đồng (theo đề nghị của tổ chức, cá nhân thành lập trung tâm)	1052/QĐ-UBND	Giáo dục thường xuyên (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	10 ngày làm việc	7 Ngày làm việc			x	Phòng Văn hóa - Xã hội	
38	3.000307.H01	Sáp nhập, chia, tách trung tâm học tập cộng đồng	1052/QĐ-UBND	Giáo dục thường xuyên (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	20 ngày làm việc	14 Ngày làm việc			x	Phòng Văn hóa - Xã hội	
39	1.012963.H01	Thành lập hoặc cho phép thành lập trường tiểu học	1052/QĐ-UBND	Giáo dục tiểu học (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	25 ngày	17.5 Ngày			x	Phòng Văn hóa - Xã hội	
40	1.005099.000.00.00.H01	Chuyển trường đối với học sinh tiểu học	2759/QĐ-UBND	Giáo dục tiểu học (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	5 Ngày làm việc	3.5 Ngày làm việc		x		Phòng Văn hóa - Xã hội	
41	1.001639.000.00.00.H01	Giải thể trường tiểu học (theo đề nghị của tổ chức, cá nhân đề nghị thành lập trường tiểu học)	1052/QĐ-UBND	Giáo dục tiểu học (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	20 Ngày làm việc	14 Ngày làm việc			x	Phòng Văn hóa - Xã hội	
42	2.001842.000.00.00.H01	Cho phép trường tiểu học hoạt động giáo dục	1052/QĐ-UBND	Giáo dục tiểu học (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	20 Ngày làm việc	14 Ngày làm việc			x	Phòng Văn hóa - Xã hội	
43	1.004563.000.00.00.H01	Sáp nhập, chia, tách trường tiểu học	1052/QĐ-UBND	Giáo dục tiểu học (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	20 Ngày làm việc	14 Ngày làm việc			x	Phòng Văn hóa - Xã hội	
44	1.004552.000.00.00.H01	Cho phép trường tiểu học hoạt động giáo dục trở lại	1052/QĐ-UBND	Giáo dục tiểu học (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	20 Ngày làm việc	14 Ngày làm việc			x	Phòng Văn hóa - Xã hội	
45	1.012967.H01	Sáp nhập, chia, tách trường trung học cơ sở, trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học cơ sở	1052/QĐ-UBND	Giáo dục trung học (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	25 ngày làm việc	17.5 Ngày làm việc			x	Phòng Văn hóa - Xã hội	
46	1.012964.H01	Thành lập hoặc cho phép thành lập trường trung học cơ sở, trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học cơ sở	1052/QĐ-UBND	Giáo dục trung học (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	25 ngày làm việc	17.5 Ngày làm việc			x	Phòng Văn hóa - Xã hội	
47	1.012968.H01	Giải thể trường trung học cơ sở, trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học cơ sở (Theo đề nghị của tổ chức, cá nhân thành lập trường)	1052/QĐ-UBND	Giáo dục trung học (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	20 Ngày	14 Ngày			x	Phòng Văn hóa - Xã hội	
48	1.012966.H01	Cho phép trường trung học cơ sở, trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học cơ sở hoạt động giáo dục trở lại	1052/QĐ-UBND	Giáo dục trung học (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	7 Ngày làm việc	4.9 Ngày làm việc			x	Phòng Văn hóa - Xã hội	
49	1.012965.H01	Cho phép trường trung học cơ sở, trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học cơ sở hoạt động giáo dục	1052/QĐ-UBND	Giáo dục trung học (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	7 ngày làm việc	4.9 Ngày làm việc			x	Phòng Văn hóa - Xã hội	
50	2.002771.H01	Xét duyệt trẻ em nhà trẻ bán trú hỗ trợ kinh phí, hỗ trợ gạo	752/QĐ-UBND	Giáo dục và Đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	05 Ngày làm việc	3.5 Ngày làm việc			x	Phòng Văn hóa - Xã hội	
51	2.002770.H01	Xét duyệt học sinh bán trú, học viên bán trú hỗ trợ kinh phí, hỗ trợ gạo	752/QĐ-UBND	Giáo dục và Đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	07 Ngày làm việc	4.9 Ngày làm việc			x	Phòng Văn hóa - Xã hội	
52	1.008951.000.00.00.H01	Hỗ trợ đối với giáo viên mầm non làm việc tại cơ sở giáo dục mầm non dân lập, tư thục ở địa bàn có khu công nghiệp	2759/QĐ-UBND	Giáo dục và Đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	17 Ngày làm việc	11.9 Ngày làm việc		x		Phòng Văn hóa - Xã hội	

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	QĐ Công bố	Lĩnh vực	Rà soát, cắt giảm thời gian giải quyết TTHC				Mức độ cung cấp DVCTT		Cơ quan tham mưu giải quyết
					Thời gian TTHC (theo quy định)	Thời gian còn lại sau khi Giám 30%	Đơn vị tính (theo cột 8)	Toàn trình (158)	Một phần (201)		
1	2	3	4	5	8	9	10	13	14		
53	1.008950.000.00.00.H01	Trợ cấp đối với trẻ em mầm non là con công nhân, người lao động làm việc tại khu công nghiệp	5811/QĐ-UBND	Giáo dục và Đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	24 Ngày làm việc	16.8 Ngày làm việc	x			Phòng Văn hóa - Xã hội	
54	1.008725.000.00.00.H01	Chuyển đổi trường tiểu học tư thục, trường trung học cơ sở tư thục và trường phổ thông tư thục có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học cơ sở do nhà đầu tư trong nước đầu tư sang trường phổ thông tư thục hoạt động không vì lợi nhuận	1052/QĐ-UBND	Giáo dục và Đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	20 Ngày làm việc	14 Ngày làm việc			x	Phòng Văn hóa - Xã hội	
55	1.008724.000.00.00.H01	Chuyển đổi nhà trẻ, trường mẫu giáo, trường mầm non tư thục do nhà đầu tư trong nước đầu tư sang nhà trẻ, trường mẫu giáo, trường mầm non tư thục hoạt động không vì lợi nhuận	1052/QĐ-UBND	Giáo dục và Đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	20 Ngày làm việc	14 Ngày làm việc			x	Phòng Văn hóa - Xã hội	
56	1.000280.000.00.00.H01	Công nhận trường tiểu học đạt chuẩn quốc gia	1211/QĐ-UBND	Giáo dục và Đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	140 Ngày	98 Ngày			x	Phòng Văn hóa - Xã hội	
57	1.000691.000.00.00.H01	Công nhận trường trung học đạt chuẩn Quốc gia	1211/QĐ-UBND	Giáo dục và Đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	140 Ngày	98 Ngày			x	Phòng Văn hóa - Xã hội	
58	1.000288.000.00.00.H01	Công nhận trường mầm non đạt chuẩn Quốc gia	1211/QĐ-UBND	Giáo dục và Đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	140 Ngày	98 Ngày			x	Phòng Văn hóa - Xã hội	
59	1.003702.000.00.00.H01	Hỗ trợ học tập đối với trẻ mẫu giáo, học sinh tiểu học, học sinh trung học cơ sở, sinh viên các dân tộc thiểu số rất ít người	5811/QĐ-UBND	Giáo dục và Đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	- Đối với trẻ mẫu giáo, học sinh, sinh viên học tại các cơ sở giáo dục công lập: Thời hạn ra quyết định là 10 ngày làm việc kể từ ngày hết hạn nhận đơn. - Đối với trẻ mẫu giáo, học sinh, sinh viên học tại các cơ sở giáo dục ngoài công lập: Thời hạn ra quyết định là 40 ngày làm việc kể từ ngày khai giảng năm học.	7/ 28 Ngày làm việc	x			Phòng Văn hóa - Xã hội	
60	1.000711.000.00.00.H01	Cấp Chứng nhận trường trung học đạt kiểm định chất lượng giáo dục	1211/QĐ-UBND	Kiểm định chất lượng giáo dục (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	140 Ngày	98 Ngày			x	Phòng Văn hóa - Xã hội	
61	1.000713.000.00.00.H01	Cấp Chứng nhận trường tiểu học đạt kiểm định chất lượng giáo dục	1211/QĐ-UBND	Kiểm định chất lượng giáo dục (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	140 Ngày	98 Ngày			x	Phòng Văn hóa - Xã hội	
62	1.000715.000.00.00.H01	Cấp Chứng nhận trường mầm non đạt kiểm định chất lượng giáo dục	1211/QĐ-UBND	Kiểm định chất lượng giáo dục (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	140 Ngày	98 Ngày			x	Phòng Văn hóa - Xã hội	
63	3.000468.H01	Chỉnh sửa nội dung văn bằng, chứng chỉ (tại cấp xã)	1211/QĐ-UBND	Văn bằng, chứng chỉ (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	2 Ngày làm việc	1.4 Ngày làm việc			x	Phòng Văn hóa - Xã hội	
64	1.014113.H01	Xét tuyển công chức	276 /QĐ-UBND	Công chức, viên chức (Bộ Nội vụ)	85 Ngày	59.5 Ngày			x	Phòng Văn hóa - Xã hội	
65	1.014111.H01	Thi tuyển công chức	276 /QĐ-UBND	Công chức, viên chức (Bộ Nội vụ)	190 Ngày	133 Ngày			x	Phòng Văn hóa - Xã hội	

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	QĐ Công bố	Lĩnh vực	Rà soát, cắt giảm thời gian giải quyết TTHC				Mức độ cung cấp DVCTT		Cơ quan tham mưu giải quyết
					Thời gian TTHC (theo quy định)	Thời gian còn lại sau khi Giảm 30%	Đơn vị tính (theo cột 8)	Tiàn trình (158)	Một phần (201)		
1	2	3	4	5	8	9	10	13	14		
66	1.012300.H01	Thủ tục xét tuyển Viên chức (85/2023/ND-CP)	436/QĐ-UBND	Công chức, viên chức (Bộ Nội vụ)	180 Ngày	126 Ngày			x	Phòng Văn hóa - Xã hội	
67	1.012299.H01	Thủ tục thi tuyển Viên Chức (Nghị định số 85/2023/ND-CP)	436/QĐ-UBND	Công chức, viên chức (Bộ Nội vụ)	210 Ngày	147 Ngày			x	Phòng Văn hóa - Xã hội	
68	1.014359.H01	Giải quyết chế độ mai táng phí đối với dân công hỏa tuyến tham gia kháng chiến chống Pháp, chống Mỹ, chiến tranh bảo vệ Tổ quốc và làm nhiệm vụ quốc tế	1550/QĐ-UBND	Người có công (Bộ Nội vụ)	12 ngày làm việc	8.4 Ngày làm việc			x	Phòng Văn hóa - Xã hội	
69	1.010772.H01	Cấp Bằng "Tổ quốc ghi công"	1173/QĐ-UBND	Người có công (Bộ Nội vụ)	130 Ngày	91 Ngày			x	Phòng Văn hóa - Xã hội	
70	1.010788.H01	Công nhận và giải quyết chế độ ưu đãi người hoạt động cách mạng	1173/QĐ-UBND	Người có công (Bộ Nội vụ)	37 Ngày	25.9 Ngày			x	Phòng Văn hóa - Xã hội	
71	1.010777.H01	Cấp đổi Bằng "Tổ quốc ghi công"	1173/QĐ-UBND	Người có công (Bộ Nội vụ)	129 Ngày	90.3 Ngày			x	Phòng Văn hóa - Xã hội	
72	1.010781.H01	Cấp Bằng "Tổ quốc ghi công" đối với người hy sinh hoặc mất tích trong chiến tranh	1173/QĐ-UBND	Người có công (Bộ Nội vụ)	219 Ngày	153.3 Ngày			x	Phòng Văn hóa - Xã hội	
73	1.010774.H01	Cấp Bằng "Tổ quốc ghi công" đối với người hy sinh nhưng chưa được cấp Bằng "Tổ quốc ghi công" mà thân nhân đã được giải quyết chế độ ưu đãi từ ngày 01 tháng 12 năm 1994 trở về trước	1173/QĐ-UBND	Người có công (Bộ Nội vụ)	225 Ngày	157.5 Ngày			x	Phòng Văn hóa - Xã hội	
74	1.010778.H01	Cấp lại Bằng "Tổ quốc ghi công"	1173/QĐ-UBND	Người có công (Bộ Nội vụ)	97 Ngày	67.9 Ngày			x	Phòng Văn hóa - Xã hội	
75	1.010775.H01	Cấp Bằng "Tổ quốc ghi công" đối với người hy sinh thuộc các trường hợp quy định tại Điều 14 Pháp lệnh nhưng chưa được cấp Bằng "Tổ quốc ghi công" mà thân nhân đã được giải quyết chế độ ưu đãi từ ngày 01 tháng 01 năm 1995 đến ngày 30 tháng 9 năm 2006	1173/QĐ-UBND	Người có công (Bộ Nội vụ)	77 Ngày	53.9 Ngày			x	Phòng Văn hóa - Xã hội	
76	1.013750.H01	Thăm viếng mộ liệt sĩ	1173/QĐ-UBND	Người có công (Bộ Nội vụ)	05 Ngày làm việc	3.5 Ngày làm việc		x		Phòng Văn hóa - Xã hội	
77	1.010833.H01	Cấp giấy xác nhận thân nhân của người có công	611/QĐ-UBND	Người có công (Bộ Nội vụ)	05 Ngày làm việc	3.5 Ngày làm việc		x		Phòng Văn hóa - Xã hội	
78	1.010830.000.00.00.H01	Di chuyển hài cốt liệt sĩ đang an táng ngoài nghĩa trang liệt sĩ về an táng tại nghĩa trang liệt sĩ theo nguyện vọng của đại diện thân nhân hoặc người hưởng trợ cấp thờ cúng liệt sĩ	1173/QĐ-UBND	Người có công (Bộ Nội vụ)	08 Ngày làm việc	5.6 Ngày làm việc		x		Phòng Văn hóa - Xã hội	
79	1.010829.000.00.00.H01	Di chuyển hài cốt liệt sĩ đang an táng tại nghĩa trang liệt sĩ đi nơi khác theo nguyện vọng của đại diện thân nhân hoặc người hưởng trợ cấp thờ cúng liệt sĩ	1126/QĐ-UBND	Người có công (Bộ Nội vụ)	10 Ngày làm việc	7 Ngày làm việc		x		Phòng Văn hóa - Xã hội	
80	1.010821.000.00.00.H01	Giải quyết chế độ hỗ trợ để theo học đến trình độ đại học tại các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân	1173/QĐ-UBND	Người có công (Bộ Nội vụ)	24 Ngày	16.8 Ngày		x		Phòng Văn hóa - Xã hội	
81	1.010820.000.00.00.H01	Giải quyết chế độ người có công giúp đỡ cách mạng	1173/QĐ-UBND	Người có công (Bộ Nội vụ)	17 Ngày	11.9 Ngày		x		Phòng Văn hóa - Xã hội	
82	1.010819.000.00.00.H01	Giải quyết chế độ người hoạt động kháng chiến giải phóng dân tộc, bảo vệ tổ quốc và làm nghĩa vụ quốc tế	1173/QĐ-UBND	Người có công (Bộ Nội vụ)	17 Ngày	11.9 Ngày		x		Phòng Văn hóa - Xã hội	
83	1.010825.000.00.00.H01	Bổ sung tình hình thân nhân trong hồ sơ liệt sĩ	1173/QĐ-UBND	Người có công (Bộ Nội vụ)	17 Ngày	11.9 Ngày		x		Phòng Văn hóa - Xã hội	
84	1.010824.000.00.00.H01	Hướng trợ cấp khi người có công đang hưởng trợ cấp ưu đãi từ tiền	1173/QĐ-UBND	Người có công (Bộ Nội vụ)	19 Ngày	13.3 Ngày		x		Phòng Văn hóa - Xã hội	
85	1.010817.000.00.00.H01	Công nhận và giải quyết chế độ con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học	1173/QĐ-UBND	Người có công (Bộ Nội vụ)	89 Ngày	62.3 Ngày		x		Phòng Văn hóa - Xã hội	
86	1.010812.000.00.00.H01	Tiếp nhận người có công vào cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng người có công do tình trạng lý	1126/QĐ-UBND	Người có công (Bộ Nội vụ)	12 Ngày làm việc	8.4 Ngày làm việc			x	Phòng Văn hóa - Xã hội	

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	QĐ Công bố	Lĩnh vực	Rà soát, cắt giảm thời gian giải quyết TTHC				Mức độ cung cấp DVCTT		Cơ quan tham mưu giải quyết
					Thời gian TTHC (theo quy định)	Thời gian còn lại sau khi Giám 30%	Đơn vị tính (theo cột 8)	Toàn trình (158)	Một phần (201)		
1	2	3	4	5	8	9	10	13	14		
87	1.010811.0000.00.00.H01	Cấp tiền mua phương tiện trợ giúp, dụng cụ chỉnh hình, phương tiện, thiết bị phục hồi chức năng đối với trường hợp đang sống tại gia đình hoặc đang được nuôi dưỡng tập trung tại các cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng do địa phương quản lý	1126/QĐ-UBND	Người có công (Bộ Nội vụ)	35 Ngày	24.5 Ngày		x		Phòng Văn hóa - Xã hội	
88	1.010810.0000.00.00.H01	Công nhận đối với người bị thương trong chiến tranh không thuộc quân đội, công an	1173/QĐ-UBND	Người có công (Bộ Nội vụ)	128 Ngày	89.6 Ngày			x	Phòng Văn hóa - Xã hội	
89	1.010803.0000.00.00.H01	Giải quyết chế độ trợ cấp thờ cúng liệt sĩ.	1173/QĐ-UBND	Người có công (Bộ Nội vụ)	17 Ngày	11.9 Ngày		x		Phòng Văn hóa - Xã hội	
90	1.010801.0000.00.00.H01	Giải quyết chế độ ưu đãi đối với thân nhân liệt sĩ	611/QĐ-UBND	Người có công (Bộ Nội vụ)	20 Ngày	14 Ngày		x		Phòng Văn hóa - Xã hội	
91	1.010818.0000.00.00.H01	Công nhận và giải quyết chế độ người hoạt động cách mạng, kháng chiến, bảo vệ tổ quốc, làm nghĩa vụ quốc tế bị địch bắt tù, đày	1173/QĐ-UBND	Người có công (Bộ Nội vụ)	17 Ngày	11.9 Ngày		x		Phòng Văn hóa - Xã hội	
92	1.010816.0000.00.00.H01	Công nhận và giải quyết chế độ ưu đãi người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học	1173/QĐ-UBND	Người có công (Bộ Nội vụ)	89 Ngày	62.3 Ngày		x		Phòng Văn hóa - Xã hội	
93	1.010815.0000.00.00.H01	Công nhận và giải quyết chế độ ưu đãi người hoạt động cách mạng.	611/QĐ-UBND	Người có công (Bộ Nội vụ)	37 Ngày	25.9 Ngày			x	Phòng Văn hóa - Xã hội	
94	1.010814.0000.00.00.H01	Cấp bổ sung hoặc cấp lại giấy chứng nhận người có công do ngành Lao động - Thương binh và Xã hội quản lý và giấy chứng nhận thân nhân liệt sĩ	611/QĐ-UBND	Người có công (Bộ Nội vụ)	17 Ngày	11.9 Ngày		x		Phòng Văn hóa - Xã hội	
95	1.010805.0000.00.00.H01	Giải quyết chế độ ưu đãi đối với Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân, Anh hùng lao động trong thời kỳ kháng chiến hiện không công tác trong quân đội, công an	1173/QĐ-UBND	Người có công (Bộ Nội vụ)	17 Ngày	11.9 Ngày			x	Phòng Văn hóa - Xã hội	
96	1.010804.0000.00.00.H01	Giải quyết chế độ ưu đãi đối với trường hợp tăng hoặc truy tặng danh hiệu anh hùng dân tộc "Bà mẹ Việt Nam anh hùng"	1173/QĐ-UBND	Người có công (Bộ Nội vụ)	17 Ngày	11.9 Ngày		x		Phòng Văn hóa - Xã hội	
97	1.010802.0000.00.00.H01	Giải quyết chế độ ưu đãi đối với vợ hoặc chồng liệt sĩ lấy chồng hoặc vợ khác	611/QĐ-UBND	Người có công (Bộ Nội vụ)	17 Ngày	11.9 Ngày		x		Phòng Văn hóa - Xã hội	
98	2.002307.0000.00.00.H01	Giải quyết chế độ mai táng phí đối với cựu chiến binh	34/QĐ-UBND	Người có công (Bộ Nội vụ)	25 Ngày	17.5 Ngày			x	Phòng Văn hóa - Xã hội	
99	1.004964.0000.00.00.H01	Giải quyết chế độ trợ cấp một lần đối với người được cử làm chuyên gia sang giúp Lào, Campuchia	1126/QĐ-UBND	Người có công (Bộ Nội vụ)	20 Ngày làm việc	14 Ngày làm việc		x		Phòng Văn hóa - Xã hội	
100	1.001257.0000.00.00.H01	Giải quyết trợ cấp một lần đối với người có thành tích tham gia kháng chiến đã được tặng Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ, Bằng khen của Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng hoặc Bằng khen của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương	1173/QĐ-UBND	Người có công (Bộ Nội vụ)	15 Ngày làm việc	10.5 Ngày làm việc		x		Phòng Văn hóa - Xã hội	
101	2.001396.0000.00.00.H01	Trợ cấp hàng tháng đối với thanh niên xung phong đã hoàn thành nhiệm vụ trong kháng chiến	1173/QĐ-UBND	Người có công (Bộ Nội vụ)	15 Ngày làm việc	10.5 Ngày làm việc			x	Phòng Văn hóa - Xã hội	
102	2.001157.0000.00.00.H01	Trợ cấp một lần đối với thanh niên xung phong đã hoàn thành nhiệm vụ trong kháng chiến	1173/QĐ-UBND	Người có công (Bộ Nội vụ)	15 Ngày làm việc	10.5 Ngày làm việc		x		Phòng Văn hóa - Xã hội	
103	1.013734.H01	Đăng ký hợp đồng lao động trực tiếp giao kết	1069/QĐ-UBND	Quản lý lao động ngoài nước (Bộ Nội vụ)	05 Ngày làm việc	3.5 Ngày làm việc		x		Phòng Văn hóa - Xã hội	

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	QB Công bố	Lĩnh vực	Rà soát, cắt giảm thời gian giải quyết TTHC				Mức độ cung cấp DVCTT		Cơ quan tham mưu giải quyết
					Thời gian TTHC (theo quy định)	Thời gian còn lại sau khi Giảm 30%	Đơn vị tính (theo cột 8)	Toàn trình (158)	Một phần (201)		
1	2	3	4	5	8	9	10	13	14		
104	1.013706.H01	Thông báo kết quả đại hội và phê duyệt đổi tên hội, phê duyệt điều lệ hội	1067/QĐ-UBND	Quản lý nhà nước về hội, quỹ (Bộ Nội vụ)	60 Ngày làm việc	42 Ngày làm việc			x	Phòng Văn hóa - Xã hội	
105	1.013703.H01	Thành lập hội	1067/QĐ-UBND	Quản lý nhà nước về hội, quỹ (Bộ Nội vụ)	60 Ngày làm việc	42 Ngày làm việc			x	Phòng Văn hóa - Xã hội	
106	1.013717.H01	Quyết tư giải thể	1067/QĐ-UBND	Quản lý nhà nước về hội, quỹ (Bộ Nội vụ)	60 Ngày	42 Ngày			x	Phòng Văn hóa - Xã hội	
107	1.013710.H01	Hồ trợ chi phí y tế và thu nhập thực tế bị mất hoặc giảm sút cho người đang trực tiếp tham gia hoạt động chữ thập đỏ bị tai nạn dẫn đến thiệt hại về sức khỏe	1067/QĐ-UBND	Quản lý nhà nước về hội, quỹ (Bộ Nội vụ)	10 Ngày	7 Ngày			x	Phòng Văn hóa - Xã hội	
108	1.013716.H01	Hợp nhất, sáp nhập, chia, tách quỹ	1067/QĐ-UBND	Quản lý nhà nước về hội, quỹ (Bộ Nội vụ)	60 Ngày	42 Ngày			x	Phòng Văn hóa - Xã hội	
109	1.013708.H01	Hội tự giải thể	1067/QĐ-UBND	Quản lý nhà nước về hội, quỹ (Bộ Nội vụ)	45 Ngày làm việc	31.5 Ngày làm việc			x	Phòng Văn hóa - Xã hội	
110	1.013712.H01	Công nhận quỹ đủ điều kiện hoạt động và công nhận thành viên hội đồng quản lý quỹ; công nhận thay đổi, bổ sung thành viên hội đồng quản lý quỹ	1067/QĐ-UBND	Quản lý nhà nước về hội, quỹ (Bộ Nội vụ)	60 Ngày	42 Ngày			x	Phòng Văn hóa - Xã hội	
111	1.013713.H01	Công nhận điều lệ (sửa đổi, bổ sung) quỹ; đổi tên quỹ	1067/QĐ-UBND	Quản lý nhà nước về hội, quỹ (Bộ Nội vụ)	60 Ngày	42 Ngày			x	Phòng Văn hóa - Xã hội	
112	1.013702.H01	Công nhận ban vận động thành lập hội	1067/QĐ-UBND	Quản lý nhà nước về hội, quỹ (Bộ Nội vụ)	30 Ngày làm việc	21 Ngày làm việc			x	Phòng Văn hóa - Xã hội	
113	1.013715.H01	Cho phép quỹ hoạt động trở lại sau khi bị tạm đình chỉ hoạt động	1067/QĐ-UBND	Quản lý nhà nước về hội, quỹ (Bộ Nội vụ)	60 Ngày làm việc	42 Ngày làm việc			x	Phòng Văn hóa - Xã hội	
114	1.013709.H01	Cho phép hội hoạt động trở lại sau khi bị đình chỉ có thời hạn	1067/QĐ-UBND	Quản lý nhà nước về hội, quỹ (Bộ Nội vụ)	30 Ngày làm việc	21 Ngày làm việc			x	Phòng Văn hóa - Xã hội	
115	1.013707.H01	Chia, tách, sáp nhập, hợp nhất hội	1067/QĐ-UBND	Quản lý nhà nước về hội, quỹ (Bộ Nội vụ)	60 Ngày làm việc	42 Ngày làm việc			x	Phòng Văn hóa - Xã hội	
116	1.013714.H01	Cấp lại giấy phép thành lập và công nhận điều lệ quỹ	1067/QĐ-UBND	Quản lý nhà nước về hội, quỹ (Bộ Nội vụ)	60 Ngày	42 Ngày			x	Phòng Văn hóa - Xã hội	
117	1.013711.H01	Cấp giấy phép thành lập và công nhận điều lệ quỹ	1067/QĐ-UBND	Quản lý nhà nước về hội, quỹ (Bộ Nội vụ)	60 Ngày	42 Ngày			x	Phòng Văn hóa - Xã hội	
118	1.013704.H01	Báo cáo tổ chức đại hội thành lập, đại hội nhiệm kỳ, đại hội bất thường của hội	1067/QĐ-UBND	Quản lý nhà nước về hội, quỹ (Bộ Nội vụ)	45 Ngày làm việc	31.5 Ngày làm việc			x	Phòng Văn hóa - Xã hội	
119	1.014150.H01	Xét truy tặng danh hiệu vinh dự Nhà nước "Bà mẹ Việt Nam anh hùng"	480/QĐ-UBND	Thi đua - khen thưởng (Bộ Nội vụ)	15 Ngày làm việc	10.5 Ngày làm việc			x	Phòng Văn hóa - Xã hội	
120	1.014149.H01	Xét tặng danh hiệu vinh dự Nhà nước "Bà mẹ Việt Nam anh hùng"	480/QĐ-UBND	Thi đua - khen thưởng (Bộ Nội vụ)	10 Ngày làm việc	7 Ngày làm việc			x	Phòng Văn hóa - Xã hội	
121	1.013724.H01	Vay vốn hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm từ Quỹ quốc gia về việc làm đối với người lao động.	1070/QĐ-UBND	Việc làm (Bộ Nội vụ)	15 Ngày làm việc	10.5 Ngày làm việc			x	Phòng Văn hóa - Xã hội	
122	1.013725.H01	Vay vốn hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm từ Quỹ quốc gia về việc làm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh.	1070/QĐ-UBND	Việc làm (Bộ Nội vụ)	15 Ngày làm việc	10.5 Ngày làm việc			x	Phòng Văn hóa - Xã hội	
123	1.004082.000.00.00.H01	Xác nhận Hợp đồng tiếp cận nguồn gen và chia sẻ lợi ích (Cấp Xã)	585/QĐ-UBND	Bảo tồn thiên nhiên và Đa dạng sinh học (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	3 Ngày làm việc	2.1 Ngày làm việc		x		Phòng Kinh tế - Hạ tầng và Đô thị	
124	3.000441.H01	Tại lại khu vực biển cho cá nhân Việt Nam để nuôi trồng thủy sản	1123/QĐ-UBND	Biển và hải đảo (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	39 Ngày làm việc	27.3 Ngày làm việc			x	Phòng Kinh tế - Hạ tầng và Đô thị	
125	3.000442.H01	Sửa đổi, bổ sung Quyết định giao khu vực biển cho cá nhân Việt Nam để nuôi trồng thủy sản	1123/QĐ-UBND	Biển và hải đảo (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	24 Ngày làm việc	16.8 Ngày làm việc			x	Phòng Kinh tế - Hạ tầng và Đô thị	

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	QĐ Công bố	Lĩnh vực	Rà soát, cắt giảm thời gian giải quyết TTHC				Mức độ cung cấp DVCTT		Cơ quan tham mưu giải quyết
					Thời gian TTHC (theo quy định)	Thời gian còn lại sau khi Giảm 30%	Đơn vị tính (theo cột 8)	Toàn trình (158)	Một phần (201)		
1	2	3	4	5	8	9	10	13	14		
126	3.000440.H01	Gia hạn thời hạn giao khu vực biển cho cá nhân Việt Nam để nuôi trồng thủy sản	1123/QĐ-UBND.	Biển và hải đảo (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	24 Ngày làm việc	16,8 Ngày làm việc			x	Phòng Kinh tế - Hạ tầng và Đô thị	
127	3.000439.H01	Giao khu vực biển cho cá nhân Việt Nam để nuôi trồng thủy sản	1123/QĐ-UBND.	Biển và hải đảo (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	29 Ngày làm việc	20,3 Ngày làm việc			x	Phòng Kinh tế - Hạ tầng và Đô thị	
128	3.000443.H01	Công nhận khu vực biển cho cá nhân Việt Nam để nuôi trồng thủy sản	1123/QĐ-UBND.	Biển và hải đảo (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	14 Ngày làm việc	9,8 Ngày làm việc			x	Phòng Kinh tế - Hạ tầng và Đô thị	
129	1.012837.H01	Phê duyệt hồ trợ kinh phí đào tạo, tập huấn để chuyển đổi từ chăn nuôi sang các nghề khác; chi phí cho cá nhân được đào tạo về kỹ thuật phối giống nhân tạo gia súc (trâu, bò); chi phí mua bình chứa Nitơ lỏng bảo quản tinh cho người làm dịch vụ phối giống nhân tạo gia súc (trâu, bò) đối với các chính sách sử dụng vốn từ nghiệp nguồn ngân sách nhà nước	1122/QĐ-UBND	Chăn nuôi (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	21 Ngày làm việc	14,7 Ngày			x	Phòng Kinh tế - Hạ tầng và Đô thị	
130	1.012836.H01	Hỗ trợ chi phí về vật tư phối giống nhân tạo gia súc gồm tinh đông lạnh, Nitơ lỏng, găng tay và dụng cụ dẫn tinh để phối giống cho trâu, bò cái; chi phí về liệu tinh để thực hiện phối giống cho lợn nái, công cho người làm dịch vụ phối giống nhân tạo gia súc (trâu, bò)	1122/QĐ-UBND	Chăn nuôi (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	19 Ngày làm việc	13,3 Ngày			x	Phòng Kinh tế - Hạ tầng và Đô thị	
131	1.014284.H01	Giao đất, cho thuê đất, giao khu vực biển để thực hiện hoạt động lấn biển.	1175/QĐ-UBND	Đất đai (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	15 ngày	10,5 Ngày			x	Phòng Kinh tế - Hạ tầng và Đô thị	
132	1.014275.H01	Tổ chức kinh tế nhân chuyển nhượng, thuê quyền sử dụng đất, nhân góp vốn bằng quyền sử dụng đất để thực hiện dự án đầu tư.	1175/QĐ-UBND	Đất đai (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	23 ngày	16,1 Ngày			x	Phòng Kinh tế - Hạ tầng và Đô thị	
133	1.013979.H01	Tặng cho quyền sử dụng đất cho Nhà nước hoặc cộng đồng dân cư hoặc mở rộng đường giao thông đối với trường hợp thửa đất chưa được cấp Giấy chứng nhận	1120/QĐ-UBND	Đất đai (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	- 10 Ngày làm việc	7 Ngày làm việc			x	Phòng Kinh tế - Hạ tầng và Đô thị	
134	1.013965.H01	Sử dụng đất kết hợp đa mục đích, gia hạn phương án sử dụng đất kết hợp đa mục đích.	1175/QĐ-UBND	Đất đai (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	- Thời gian thực hiện việc thẩm định, phê duyệt phương án sử dụng đất kết hợp không quá 15 ngày. - Thời gian gia hạn phương án sử dụng đất kết hợp là không quá 07 ngày làm việc	10,5/ 4,9 Ngày			x	Phòng Kinh tế - Hạ tầng và Đô thị	

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	QĐ Công bố	Lĩnh vực	Rà soát, cắt giảm thời gian giải quyết TTHC				Mức độ cung cấp DVCTT		Cơ quan tham mưu giải quyết
					Thời gian TTHC (theo quy định)	Thời gian còn lại sau khi Giảm 30%	Đơn vị tính (theo cột 8)	Toàn trình (158)	Một phần (201)		
1	2	3	4	5	8	9	10	13	14		
135	1.013962.H01	Giao đất ở có thu tiền sử dụng đất không thông qua đấu giá, không đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án có sử dụng đất đối với cá nhân là cán bộ, công chức, viên chức, sĩ quan tại ngũ, quân nhân chuyên nghiệp, công chức quốc phòng, công nhân và viên chức quốc phòng, sĩ quan, hạ sĩ quan, công nhân công an, người làm công tác cơ yếu và người làm công tác khác trong tổ chức cơ yếu hưởng lương từ ngân sách nhà nước mà chưa được giao đất ở, nhà ở, giáo viên, nhân viên y tế đang công tác tại các xã biên giới, hải đảo thuộc vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn nhưng chưa có đất ở, nhà ở tại nơi công tác hoặc chưa được hưởng chính sách hỗ trợ về nhà ở theo quy định của pháp luật về nhà ở, cả nhân thường trú tại xã mà không có đất ở và chưa được Nhà nước giao đất ở hoặc chưa được hưởng chính sách hỗ trợ về nhà ở theo quy định của pháp luật về nhà ở	1175/QĐ-UBND	Đất đai (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	35 Ngày	24,5 Ngày			x	Phòng Kinh tế - Hạ tầng và Đô thị	
136	1.013978.H01	Đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất lần đầu đối với hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư, người gốc Việt Nam định cư ở nước ngoài	1175/QĐ-UBND	Đất đai (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	27 Ngày làm việc	18,9 Ngày làm việc			x	Phòng Kinh tế - Hạ tầng và Đô thị	
137	1.013950.H01	Chuyển hình thức giao đất, cho thuê đất.	1175/QĐ-UBND	Đất đai (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	15 ngày	10,5 Ngày			x	Phòng Kinh tế - Hạ tầng và Đô thị	
138	1.013949.H01	Giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất đối với trường hợp giao đất, cho thuê đất không đấu giá quyền sử dụng đất, không đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án có sử dụng đất; trường hợp giao đất, cho thuê đất thông qua đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án có sử dụng đất; giao đất và giao rừng; cho thuê đất và cho thuê rừng, gia hạn sử dụng đất khi hết thời hạn sử dụng đất	1175/QĐ-UBND	Đất đai (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	15 Ngày	10,5 Ngày			x	Phòng Kinh tế - Hạ tầng và Đô thị	
139	1.013967.H01	Giải quyết tranh chấp đất đai thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã	1120/QĐ-UBND	Đất đai (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	45 Ngày	31,5 Ngày			x	Phòng Kinh tế - Hạ tầng và Đô thị	
140	1.013952.H01	Điều chỉnh quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất do thay đổi căn cứ quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất; điều chỉnh thời hạn sử dụng đất của dự án đầu tư.	1175/QĐ-UBND	Đất đai (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	- Trường hợp đề nghị điều chỉnh quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất: không quá 05 ngày - Trường hợp đề nghị điều chỉnh thời hạn sử dụng đất của dự án đầu tư: không quá 15 ngày	3,5/ 10,5 Ngày			x	Phòng Kinh tế - Hạ tầng và Đô thị	
141	1.013953.H01	Điều chỉnh quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất do sai sót về ranh giới, vị trí, diện tích, mục đích sử dụng giữa bản đồ quy hoạch, bản đồ địa chính, quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất và số liệu bản giao đất trên thực địa	1175/QĐ-UBND	Đất đai (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	7 Ngày	4,9 Ngày			x	Phòng Kinh tế - Hạ tầng và Đô thị	
142	1.012817.H01	Xác định lại diện tích đất ở của hộ gia đình, cá nhân đã được cấp Giấy chứng nhận trước ngày 01 tháng 7 năm 2004	1120/QĐ-UBND	Đất đai (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	20 Ngày làm việc	14 Ngày làm việc			x	Phòng Kinh tế - Hạ tầng và Đô thị	

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	QĐ Công bố	Lĩnh vực	Rà soát, cắt giảm thời gian giải quyết TTHC				Mức độ cung cấp DVCTT		Cơ quan tham mưu giải quyết
					Thời gian TTHC (theo quy định)	Thời gian còn lại sau khi Giám 30%	Đơn vị tính (theo cột 8)	Toàn trình (158)	Một phần (201)		
1	2	3	4	5	8	9	10	13	14	Phòng Kinh tế - Hạ tầng và Đô thị	
143	1.012796.H01	Định chỉnh Giấy chứng nhận đã cấp lần đầu có sai sót	1120/QĐ-UBND	Đất đai (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	8 Ngày làm việc	5.6 Ngày làm việc			x		
144	1.012818.H01	Thu hồi Giấy chứng nhận đã cấp lần đầu không đúng quy định của pháp luật đất đai do người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất phát hiện và cấp lại Giấy chứng nhận sau khi thu hồi	1120/QĐ-UBND	Đất đai (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	- Thời gian thu hồi Giấy chứng nhận đã cấp không quá 25 ngày làm việc. Thời gian thực hiện đăng ký, cấp lại Giấy chứng nhận sau thu hồi không quá 20 ngày làm việc	31.5 Ngày làm việc			x	Phòng Kinh tế - Hạ tầng và Đô thị	
145	1.012812.H01	Hòa giải tranh chấp đất đai	1120/QĐ-UBND	Đất đai (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	30 Ngày	21 Ngày			x	Phòng Kinh tế - Hạ tầng và Đô thị	
146	1.012753.H01	Đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất lần đầu đối với tổ chức đang sử dụng đất	1175/QĐ-UBND	Đất đai (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	(1) Trường hợp đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất lần đầu: 17 ngày làm việc. (2) Trường hợp	11,9/ 16,1 Ngày làm việc			x	Phòng Kinh tế - Hạ tầng và Đô thị	
147	1.012756.H01	Đăng ký đất đai lần đầu đối với trường hợp được Nhà nước giao đất để quản lý.	1120/QĐ-UBND	Đất đai (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	17 Ngày làm việc	11.9 Ngày làm việc		x		Phòng Kinh tế - Hạ tầng và Đô thị	
148	1.014259.H01	Quyết toán tiền cấp quyền khai thác khoáng sản (cấp Xã)	1171/QĐ-UBND	Địa chất và khoáng sản (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	90 Ngày làm việc	63 Ngày làm việc			x	Phòng Kinh tế - Hạ tầng và Đô thị	
149	1.014258.H01	Xác nhận đăng ký thu hồi khoáng sản (cấp Xã)	1171/QĐ-UBND	Địa chất và khoáng sản (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	47 Ngày làm việc	32.9 Ngày làm việc			x	Phòng Kinh tế - Hạ tầng và Đô thị	
150	3.000412.H01	Công nhận người lao động có thu nhập thấp	643/QĐ-UBND	Giảm nghèo (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	15 ngày	10.5 Ngày			x	Phòng Kinh tế - Hạ tầng và Đô thị	
151	1.011609.H01	Công nhận hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình	643/QĐ-UBND	Giảm nghèo (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	15 ngày	10.5 Ngày			x	Phòng Kinh tế - Hạ tầng và Đô thị	
152	1.011608.H01	Công nhận hộ thoát nghèo, hộ thoát cận nghèo thường xuyên hằng năm	643/QĐ-UBND	Giảm nghèo (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	15 ngày	10.5 Ngày			x	Phòng Kinh tế - Hạ tầng và Đô thị	
153	1.011606.H01	Công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo, hộ thoát cận nghèo định kỳ hằng năm	1119/QĐ-UBND	Giảm nghèo (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	15 ngày	10.5 Ngày			x	Phòng Kinh tế - Hạ tầng và Đô thị	
154	1.011607.H01	Công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo thường xuyên hằng năm	643/QĐ-UBND	Giảm nghèo (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	15 ngày	10.5 Ngày			x	Phòng Kinh tế - Hạ tầng và Đô thị	
155	1.012695.H01	Quyết định thu hồi rừng đối với hộ gia đình, cá nhân và cộng đồng dân cư tự nguyện trả lại rừng	750/QĐ-UBND	Kiểm lâm (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	20 Ngày làm việc	14 Ngày làm việc			x	Phòng Kinh tế - Hạ tầng và Đô thị	
156	1.012694.H01	Quyết định chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác đối với cá nhân	1118/QĐ-UBND	Kiểm lâm (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	20 Ngày làm việc	14 Ngày làm việc			x	Phòng Kinh tế - Hạ tầng và Đô thị	
157	1.003434.000.00.00.H01	Hỗ trợ dự án liên kết (cấp xã)	1117/QĐ-UBND	Kinh tế hợp tác và Phát triển nông thôn (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	25 Ngày làm việc	17.5 Ngày làm việc			x	Phòng Kinh tế - Hạ tầng và Đô thị	
158	3.000502.H01	Thẩm định, phê duyệt hoặc điều chỉnh phương án nuôi, trồng phát triển, thu hoạch cây được liệt kê trong rừng đối với chủ rừng là hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư	413/QĐ-UBND	Lâm nghiệp (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	24 Ngày làm việc	16.8 Ngày làm việc			x	Phòng Kinh tế - Hạ tầng và Đô thị	
159	1.012922.H01	Lập biên bản kiểm tra hiện trường xác định nguyên nhân, mức độ thiệt hại rừng trồng	413/QĐ-UBND	Lâm nghiệp (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	05 Ngày làm việc	3.5 Ngày			x	Phòng Kinh tế - Hạ tầng và Đô thị	
160	1.012531.H01	Hỗ trợ tín dụng đầu tư trồng rừng gỗ lớn đối với chủ rừng là hộ gia đình, cá nhân	413/QĐ-UBND	Lâm nghiệp (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	20 Ngày làm việc	14 Ngày			x	Phòng Kinh tế - Hạ tầng và Đô thị	
161	3.000250.H01	Phê duyệt hoặc điều chỉnh phương án quản lý rừng bền vững của chủ rừng là hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư hoặc hộ gia đình cá nhân liên kết thành nhóm hộ, tổ hợp tác trường hợp có tổ chức các hoạt động du lịch sinh thái	1118/QĐ-UBND	Lâm nghiệp (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	22 Ngày làm việc	15.4 Ngày			x	Phòng Kinh tế - Hạ tầng và Đô thị	

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	QĐ Công bố	Lĩnh vực	Rà soát, cải giảm thời gian giải quyết TTHC				Mức độ cung cấp DVCTT	Cơ quan tham mưu giải quyết
					Thời gian TTHC (theo quy định)	Thời gian còn lại sau khi Giám 30%	Đơn vị tính (theo cột 8)	Toàn trình (158)	Một phần (201)	
1	2	3	4	5	8	9	10	13	14	
162	1.011471.H01	Phê duyệt Phương án khai thác gỗ, thực vật rừng ngoài gỗ loài thông thường thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân cấp xã	413/QĐ-UBND	Lâm nghiệp (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	- Trường hợp không cần xác minh: 07 ngày làm việc - Trường hợp cần xác minh: 10 Ngày làm việc	4,9/ 7	Ngày làm việc		x	Phòng Kinh tế - Hạ tầng và Đô thị
163	1.007919.000.00.00.H01	Thẩm định thiết kế, dự toán công trình lâm sinh hoặc thẩm định điều chỉnh thiết kế, dự toán công trình lâm sinh sử dụng vốn đầu tư công	1118/QĐ-UBND	Lâm nghiệp (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	15 Ngày làm việc	10,5	Ngày làm việc		x	Phòng Kinh tế - Hạ tầng và Đô thị
164	1.010736.000.00.00.H01	Tham vấn đánh giá tác động môi trường (cấp xã) (1.010736)	633/QĐ-UBND	Môi trường (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	15 Ngày làm việc	10,5	Ngày làm việc	x		Phòng Kinh tế - Hạ tầng và Đô thị
165	1.003596.000.00.00.H01	Phê duyệt kế hoạch khuyến nông địa phương (cấp xã)	896/QĐ-UBND	Nông nghiệp (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	60 Ngày	42	Ngày	x		Phòng Kinh tế - Hạ tầng và Đô thị
166	1.010092.000.00.00.H01	Tư vấn cấp tiền thuế, tài nân (đối với trường hợp tại nạn suy giảm khả năng lao động từ 5% trở lên) cho lực lượng xung kích phòng chống thiên tai cấp xã chưa tham gia bảo hiểm xã hội	1114/QĐ-UBND	Quản lý Thuế điều và Phòng, chống thiên tai (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	30 Ngày làm việc	21	Ngày làm việc	x		Phòng Kinh tế - Hạ tầng và Đô thị
167	1.010091.000.00.00.H01	Hỗ trợ khám chữa bệnh, tư cấp tại nạn cho lực lượng xung kích phòng chống thiên tai cấp xã trong trường hợp chưa tham gia bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội	1114/QĐ-UBND	Quản lý Thuế điều và Phòng, chống thiên tai (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	25 Ngày làm việc	17,5	Ngày làm việc	x		Phòng Kinh tế - Hạ tầng và Đô thị
168	1.001662.000.00.00.H01	Đăng ký Khai thác, sử dụng nước dưới đất	1113/QĐ-UBND	Tài nguyên nước (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	10 Ngày làm việc	7	Ngày làm việc	x		Phòng Kinh tế - Hạ tầng và Đô thị
169	1.013997.H01	Hỗ trợ cơ sở sản xuất bị thiệt hại do dịch bệnh động vật (cơ sở sản xuất không thuộc lực lượng và trang nhân dân)	1212/QĐ-UBND	Thú y (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	25 Ngày	17,5	Ngày		x	Phòng Kinh tế - Hạ tầng và Đô thị
170	1.013768.H01	Phê duyệt phương án bảo vệ đập, hồ chứa nước trên địa bàn do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phân cấp	1112/QĐ-UBND	Thủy lợi (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	20 Ngày làm việc	14	Ngày làm việc	x		Phòng Kinh tế - Hạ tầng và Đô thị
171	1.003347.000.00.00.H01	Phê duyệt, công bố công khai quy trình vận hành hồ chứa thủy lợi thuộc thẩm quyền của Chủ tịch UBND cấp xã.	1112/QĐ-UBND	Thủy lợi (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	30 Ngày làm việc	21	Ngày làm việc	x		Phòng Kinh tế - Hạ tầng và Đô thị
172	1.003440.000.00.00.H01	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp thuộc thẩm quyền của UBND cấp xã	632/QĐ-UBND	Thủy lợi (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	20 Ngày làm việc	14	Ngày làm việc	x		Phòng Kinh tế - Hạ tầng và Đô thị
173	1.003446.000.00.00.H01	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó thiên tai cho công trình, vùng hạ du đập trong quá trình thi công thuộc thẩm quyền của UBND cấp xã	632/QĐ-UBND	Thủy lợi (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	20 Ngày làm việc	14	Ngày làm việc	x		Phòng Kinh tế - Hạ tầng và Đô thị
174	1.003471.000.00.00.H01	Phê duyệt đề cương, kết quả kiểm định an toàn đập, hồ chứa thủy lợi thuộc thẩm quyền của Chủ tịch UBND cấp xã	1112/QĐ-UBND	Thủy lợi (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	15 Ngày làm việc	10,5	Ngày làm việc	x		Phòng Kinh tế - Hạ tầng và Đô thị
175	2.001627.000.00.00.H01	Phê duyệt, công bố công khai quy trình vận hành đối với công trình thủy lợi lớn và công trình thủy lợi vừa do UBND cấp tỉnh phân cấp	1112/QĐ-UBND	Thủy lợi (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	30 Ngày làm việc	21	Ngày làm việc	x		Phòng Kinh tế - Hạ tầng và Đô thị
176	2.001621.000.00.00.H01	Hỗ trợ đầu tư xây dựng phát triển thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng và tưới tiên tiến, tiết kiệm nước (Đối với nguồn vốn hỗ trợ trực tiếp, ngân sách địa phương và nguồn vốn hợp pháp khác của địa phương phân bổ dự toán cho UBND cấp xã thực hiện)	632/QĐ-UBND	Thủy lợi (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	7 Ngày làm việc	4,9	Ngày làm việc	x		Phòng Kinh tế - Hạ tầng và Đô thị

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	QĐ Công bố	Lĩnh vực	Rà soát, cắt giảm thời gian giải quyết TTHC				Mức độ cung cấp DVCTT		Cơ quan tham mưu giải quyết
					Thời gian TTHC (theo quy định)	Thời gian còn lại sau khi Giảm 30%	Đơn vị tính (theo cột 8)	Toàn trình (158)	Một phần (201)		
1	2	3	4	5	8	9	10	13	14		
177	1.004478.000.00.00.H01	Công bố mở cảng cá loại III	1111/QĐ-UBND	Thủy sản (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	a) Trong thời hạn 06 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan có thẩm quyền xem xét hồ sơ, tổ chức khảo sát thực tế tại cảng cá, quyết định công bố mở cảng cá; b) Trong thời hạn 02 ngày kể từ ngày Quyết định công bố mở cảng cá được ban hành, cơ quan có thẩm quyền có trách nhiệm thông báo trên các phương tiện thông tin đại chúng.	4.2 Ngày làm việc	x			Phòng Kinh tế - Hạ tầng và Đô thị	
178	1.004498.000.00.00.H01	Sửa đổi, bổ sung nội dung quyết định công nhận và giao quyền quản lý cho tổ chức cộng đồng (thuộc địa bàn quản lý)	1111/QĐ-UBND	Thủy sản (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	a) Đối với trường hợp đổi tên tổ chức cộng đồng; người đại diện tổ chức cộng đồng; quy chế hoạt động của tổ chức cộng đồng: 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ; b) Đối với trường hợp sửa đổi, bổ sung vị trí, ranh giới khu vực địa lý được giao; phạm vi quyền được giao; phương án bảo vệ và khai thác nguồn lợi thủy sản: - Công khai phương án: 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ; - Thẩm định hồ sơ, kiểm tra thực tế (nếu cần thiết) và trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã xem xét, quyết định: 33 ngày.	24.5 Ngày làm việc	x			Phòng Kinh tế - Hạ tầng và Đô thị	
179	1.003956.000.00.00.H01	Công nhận và giao quyền quản lý cho tổ chức cộng đồng (thuộc địa bàn quản lý)	1111/QĐ-UBND	Thủy sản (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	a) Công khai phương án: 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ; b) Thẩm định hồ sơ, kiểm tra thực tế (nếu cần thiết) và trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã xem xét, quyết định: 33 ngày.	24.5 Ngày làm việc	x			Phòng Kinh tế - Hạ tầng và Đô thị	
180	1.008004.000.00.00.H01	Chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi trên đất trồng lúa	667/QĐ-UBND	Trồng trọt (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được bản đăng ký chuyển đổi hợp lệ và phù hợp.	3.5 Ngày làm việc	x			Phòng Kinh tế - Hạ tầng và Đô thị	
181	2.002757.H01	Thủ tục giải quyết chế độ trợ cấp một lần đối với công nhân viên chức nhà nước, chuyển gia các ngành, cán bộ xã, phường, thị trấn; công an xã, thanh niên xung phong trực tiếp tham gia chiến tranh bảo vệ Tổ quốc và làm nhiệm vụ quốc tế sau ngày 30/4/1975 đã thôi việc, đã về gia đình (đối với đối tượng đã từ trần) thuộc thẩm quyền giải quyết của Chủ tịch UBND tỉnh	1885-QĐ-UBND	Chính sách (Bộ Quốc phòng)	12 ngày làm việc	8.4 Ngày làm việc	x			Phòng Văn hóa - Xã hội	
182	1.013128.H01	Thủ tục thẩm định và phê duyệt kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu đối với các cơ sở, cửa hàng kinh doanh xăng dầu trên đất liền, trên sông, trên biển.	1252/QĐ-UBND	Ứng phó sự cố tràn dầu (Bộ Quốc phòng)	15 Ngày làm việc	10.5 Ngày làm việc	x			Phòng Kinh tế - Hạ tầng và Đô thị	

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	QB Công bố	Lĩnh vực	Rà soát, cắt giảm thời gian giải quyết TTHC				Mức độ cung cấp DVCTT		Cơ quan tham mưu giải quyết
					Thời gian TTHC (theo quy định)	Thời gian còn lại sau khi Giảm 30%	Đơn vị tính (theo cột 8)	Toàn trình (158)	Một phần (201)		
1	2	3	4	5	8	9	10	13	14		
183	1.005412.000.00.00.H01	Phê duyệt đối tượng được hỗ trợ phi bảo hiểm nông nghiệp	411/QĐ-UBND	Bảo hiểm (Bộ Tài chính)	45 Ngày	31,5 Ngày			x	Phòng Kinh tế - Hạ tầng và Đô thị	
184	2.002668.H01	Đăng ký nhu cầu hỗ trợ của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	.1059/QĐ-UBND	Hỗ trợ tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã (Bộ Tài chính)	10 Ngày làm việc	7 Ngày làm việc		x		Phòng Kinh tế - Hạ tầng và Đô thị	
185	3.000410.H01	Quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân đối với tài sản không có người thừa kế	1061/QĐ-UBND	Quản lý công sản (Bộ Tài chính)	- Cấp xã: 07 ngày - Cấp tỉnh: 22 ngày	4,9/ 15,4 Ngày			x	Phòng Kinh tế - Hạ tầng và Đô thị	
186	3.000325.H01	Thanh toán chi phí liên quan đến xử lý tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi	132/QĐ-UBND	Quản lý công sản (Bộ Tài chính)	30 Ngày	21 Ngày			x	Phòng Kinh tế - Hạ tầng và Đô thị	
187	3.000326.H01	Thanh lý tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi; xử lý tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi trong trường hợp bị mất, hủy hoại	1061/QĐ-UBND	Quản lý công sản (Bộ Tài chính)	75 ngày	52,5 Ngày			x	Phòng Kinh tế - Hạ tầng và Đô thị	
188	3.000327.H01	Giao tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi	1061/QĐ-UBND	Quản lý công sản (Bộ Tài chính)	60 ngày	42 Ngày			x	Phòng Kinh tế - Hạ tầng và Đô thị	
189	1.013040.H01	Thủ tục khai, nộp phí bảo vệ môi trường đối với khí thải	1061/QĐ-UBND	Quản lý thuế, phí, lệ phí và thu khác của ngân sách nhà nước (Bộ Tài chính)	40 Ngày làm việc	28 Ngày làm việc			x	Phòng Kinh tế - Hạ tầng và Đô thị	
190	1.012994.H01	Khấu trừ kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư	1061/QĐ-UBND	Tài chính đất đai (Bộ Tài chính)	30 Ngày	21 Ngày			x	Phòng Kinh tế - Hạ tầng và Đô thị	
191	1.014371.H01	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký Quỹ hỗ trợ phát triển hợp tác xã (sau đây gọi tắt là Quỹ hợp tác xã) địa phương hoạt động theo mô hình hợp tác xã	1707/QĐ-UBND	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã (Bộ Tài chính)	3 Ngày làm việc	2,1 Ngày làm việc			x	Phòng Kinh tế - Hạ tầng và Đô thị	
192	2.002648.H01	Hiệu đính, cấp nhật, bổ sung thông tin đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	.1059/QĐ-UBND	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã (Bộ Tài chính)	03 Ngày làm việc	2,1 Ngày làm việc		x		Phòng Kinh tế - Hạ tầng và Đô thị	
193	2.002650.H01	Hiệu đính, cấp nhật, bổ sung thông tin đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	.1059/QĐ-UBND	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã (Bộ Tài chính)	03 Ngày làm việc	2,1 Ngày làm việc		x		Phòng Kinh tế - Hạ tầng và Đô thị	
194	2.002656.H01	Dề nghị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký tổ hợp tác, Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, Giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện đối với trường hợp nội dung kê khai trong hồ sơ đăng ký thành lập là giả mạo	.1059/QĐ-UBND	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã (Bộ Tài chính)	03 Ngày làm việc	2,1 Ngày làm việc		x		Phòng Kinh tế - Hạ tầng và Đô thị	
195	2.002659.H01	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký tổ hợp tác	.1059/QĐ-UBND	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã (Bộ Tài chính)	03 Ngày làm việc	2,1 Ngày làm việc		x		Phòng Kinh tế - Hạ tầng và Đô thị	
196	2.002657.H01	Đăng ký thành lập tổ hợp tác; đăng ký tổ hợp tác trong trường hợp đã được thành lập trước ngày Luật Hợp tác xã có hiệu lực thi hành, thuộc đối tượng phải đăng ký theo quy định tại khoản 2 Điều 107 Luật Hợp tác xã 2023	.1059/QĐ-UBND	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã (Bộ Tài chính)	03 Ngày làm việc	2,1 Ngày làm việc		x		Phòng Kinh tế - Hạ tầng và Đô thị	
197	2.002645.H01	Đăng thực hiện thủ tục giải thể hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	.1059/QĐ-UBND	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã (Bộ Tài chính)	03 Ngày làm việc	2,1 Ngày làm việc		x		Phòng Kinh tế - Hạ tầng và Đô thị	

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	QĐ Công bố	Lĩnh vực	Rà soát, cắt giảm thời gian giải quyết TTHC				Mức độ cung cấp DVCTT		Cơ quan tham mưu giải quyết
					Thời gian TTHC (theo quy định)	Thời gian còn lại sau khi Giảm 30%	Đơn vị tính (theo cột 8)	Toàn trình (158)	Một phần (201)		
1	2	3	4	5	8	9	10	13	14		
198	2.002644.H01	Dùng thực hiện thủ tục đăng ký tổ hợp tác	1059/QĐ-UBND	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã (Bộ Tài chính)	03 Ngày làm việc	2.1 Ngày làm việc		x		Phòng Kinh tế - Hạ tầng và Đô thị	
199	2.002643.H01	Dùng thực hiện thủ tục đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	1059/QĐ-UBND	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã (Bộ Tài chính)	03 Ngày làm việc	2.1 Ngày làm việc		x		Phòng Kinh tế - Hạ tầng và Đô thị	
200	2.002642.H01	Chấm dứt hoạt động tổ hợp tác	1059/QĐ-UBND	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã (Bộ Tài chính)	03 Ngày làm việc	2.1 Ngày làm việc		x		Phòng Kinh tế - Hạ tầng và Đô thị	
201	2.002638.H01	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký tổ hợp tác do bị mất, cháy, rách, nát hoặc bị tiêu hủy	1059/QĐ-UBND	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã (Bộ Tài chính)	03 Ngày làm việc	2.1 Ngày làm việc		x		Phòng Kinh tế - Hạ tầng và Đô thị	
202	2.002635.H01	Đề nghị thay đổi tên tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã do xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp	1059/QĐ-UBND	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã (Bộ Tài chính)	03 Ngày làm việc	2.1 Ngày làm việc		x		Phòng Kinh tế - Hạ tầng và Đô thị	
203	2.002641.H01	Thông báo tạm ngừng kinh doanh, tiếp tục kinh doanh trở lại đối với tổ hợp tác	1059/QĐ-UBND	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã (Bộ Tài chính)	03 Ngày làm việc	2.1 Ngày làm việc		x		Phòng Kinh tế - Hạ tầng và Đô thị	
204	2.002646.H01	Thông báo lập chi nhánh, văn phòng đại diện ở nước ngoài	1059/QĐ-UBND	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã (Bộ Tài chính)	03 Ngày làm việc	2.1 Ngày làm việc		x		Phòng Kinh tế - Hạ tầng và Đô thị	
205	2.002649.H01	Thông báo bổ sung, cập nhật thông tin trong hồ sơ đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	1059/QĐ-UBND	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã (Bộ Tài chính)	03 Ngày làm việc	2.1 Ngày làm việc		x		Phòng Kinh tế - Hạ tầng và Đô thị	
206	2.002640.H01	Hiệu đính, cập nhật, bổ sung thông tin đăng ký tổ hợp tác	1059/QĐ-UBND	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã (Bộ Tài chính)	03 Ngày làm việc	2.1 Ngày làm việc		x		Phòng Kinh tế - Hạ tầng và Đô thị	
207	1.004901.000.00.00.H01	Cấp đổi Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	1059/QĐ-UBND	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã (Bộ Tài chính)	3 Ngày làm việc	2.1 Ngày làm việc		x		Phòng Kinh tế - Hạ tầng và Đô thị	
208	1.004982.000.00.00.H01	Đăng ký giải thể hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	1059/QĐ-UBND	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã (Bộ Tài chính)	3 Ngày	2.1 Ngày		x		Phòng Kinh tế - Hạ tầng và Đô thị	
209	2.001958.000.00.00.H01	Thông báo về việc thành lập doanh nghiệp của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	1059/QĐ-UBND	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã (Bộ Tài chính)	3 Ngày	2.1 Ngày		x		Phòng Kinh tế - Hạ tầng và Đô thị	

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	QĐ Công bố	Lĩnh vực	Rà soát, cải giảm thời gian giải quyết TTHC				Cơ quan tham mưu giải quyết
					Thời gian TTHC (theo quy định)	Thời gian còn lại sau khi Giảm 30%	Đơn vị tính (theo cột 8)	Mức độ cung cấp DVCTT	
1	2	3	4	5	8	9	10	13	14
210	1.004979.000.00.00.H01	Thông báo thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã; Thông báo thay đổi nội dung đăng ký đổi với hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã bị tách, nhân sáp nhập	.1059/QĐ-UBND	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã (Bộ Tài chính)	3 Ngày làm việc	2.1 Ngày làm việc		x	Phòng Kinh tế - Hạ tầng và Đô thị
211	2.001973.000.00.00.H01	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	.1059/QĐ-UBND	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã (Bộ Tài chính)	03 Ngày làm việc	2.1 Ngày làm việc		x	Phòng Kinh tế - Hạ tầng và Đô thị
212	1.005277.000.00.00.H01	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã; Đăng ký thay đổi nội dung đổi với trường hợp hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã bị tách, nhân sáp nhập	.1059/QĐ-UBND	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã (Bộ Tài chính)	3 Ngày làm việc	2.1 Ngày làm việc		x	Phòng Kinh tế - Hạ tầng và Đô thị
213	1.005010.000.00.00.H01	Chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	.1059/QĐ-UBND	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã (Bộ Tài chính)	3 Ngày làm việc	2.1 Ngày làm việc		x	Phòng Kinh tế - Hạ tầng và Đô thị
214	1.005377.000.00.00.H01	Thông báo tạm ngừng kinh doanh/ tiếp tục kinh doanh trở lại đối với hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh	.1059/QĐ-UBND	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã (Bộ Tài chính)	3 Ngày	2.1 Ngày		x	Phòng Kinh tế - Hạ tầng và Đô thị
215	1.005378.000.00.00.H01	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	.1059/QĐ-UBND	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã (Bộ Tài chính)	3 Ngày làm việc	2.1 Ngày làm việc		x	Phòng Kinh tế - Hạ tầng và Đô thị
216	2.002123.000.00.00.H01	Đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, thông báo địa điểm kinh doanh	.1059/QĐ-UBND	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã (Bộ Tài chính)	3 Ngày làm việc	2.1 Ngày làm việc		x	Phòng Kinh tế - Hạ tầng và Đô thị
217	1.005280.000.00.00.H01	Đăng ký thành lập hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã; đăng ký chuyển đổi tổ hợp tác thành hợp tác xã; đăng ký khi hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã chia, tách, hợp nhất	.1059/QĐ-UBND	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã (Bộ Tài chính)	3 Ngày làm việc	2.1 Ngày làm việc		x	Phòng Kinh tế - Hạ tầng và Đô thị
218	1.014034.H01	Đăng ký cấp nhất, bổ sung thông tin trong hồ sơ đăng ký hồ kinh doanh, hiệu đính thông tin đăng ký hồ kinh doanh	263 /QĐ-UBND	Thành lập và hoạt động doanh nghiệp (hồ kinh doanh) (Bộ Tài chính)	* Đăng ký cấp nhất, bổ sung thông tin trong hồ sơ đăng ký hồ kinh doanh Trong thời hạn 01 (một) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ. * Bổ sung, hiệu đính thông tin đăng ký hồ kinh doanh Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ	2.1 Ngày làm việc		x	Phòng Kinh tế - Hạ tầng và Đô thị
219	1.014035.H01	Dùng thực hiện thủ tục đăng ký hồ kinh doanh	263 /QĐ-UBND	Thành lập và hoạt động doanh nghiệp (hồ kinh doanh) (Bộ Tài chính)	3 Ngày làm việc	2.1 Ngày làm việc		x	Phòng Kinh tế - Hạ tầng và Đô thị

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	QĐ Công bố	Lĩnh vực	Rà soát, cắt giảm thời gian giải quyết TTHC				Mức độ cung cấp DVCTT		Cơ quan tham mưu giải quyết
					Thời gian TTHC (theo quy định)	Thời gian còn lại sau khi Giảm 30%	Đơn vị tính (theo cột 8)	Toàn trình (158)	Một phần (201)		
1	2	3	4	5	8	9	10	13	14		
220	2.000575.000.00.00.H01	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh, Cấp đổi sang Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh	263./QĐ-UBND	Thành lập và hoạt động doanh nghiệp (hộ kinh doanh) (Bộ Tài chính)	- Trong thời hạn 02 (hai) ngày làm việc kể từ ngày nhận được Giấy đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh. - Trường hợp Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh được cấp không đúng hồ sơ, trình tự, thủ tục theo quy định, cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện gửi thông báo yêu cầu hộ kinh doanh hoàn chỉnh và nộp hồ sơ hợp lệ theo quy định trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày gửi thông báo để được xem xét cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh. Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện thực hiện cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ của hộ kinh doanh.		2.1 Ngày làm việc	x		Phòng Kinh tế - Hạ tầng và Đô thị	
221	1.001266.000.00.00.H01	Chấm dứt hoạt động hộ kinh doanh	263./QĐ-UBND	Thành lập và hoạt động doanh nghiệp (hộ kinh doanh) (Bộ Tài chính)	02 Ngày làm việc		1.4 Ngày làm việc	x		Phòng Kinh tế - Hạ tầng và Đô thị	
222	1.001570.000.00.00.H01	Tạm ngừng kinh doanh, tiếp tục kinh doanh trước thời hạn đã thông báo của hộ kinh doanh	263./QĐ-UBND	Thành lập và hoạt động doanh nghiệp (hộ kinh doanh) (Bộ Tài chính)	02 Ngày làm việc		1.4 Ngày làm việc	x		Phòng Kinh tế - Hạ tầng và Đô thị	
223	2.000720.000.00.00.H01	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hộ kinh doanh	263./QĐ-UBND	Thành lập và hoạt động doanh nghiệp (hộ kinh doanh) (Bộ Tài chính)	02 Ngày làm việc		1.4 Ngày làm việc	x		Phòng Kinh tế - Hạ tầng và Đô thị	
224	1.001612.000.00.00.H01	Đăng ký thành lập hộ kinh doanh	263./QĐ-UBND	Thành lập và hoạt động doanh nghiệp (hộ kinh doanh) (Bộ Tài chính)	2 Ngày làm việc		1.4 Ngày làm việc	x		Phòng Kinh tế - Hạ tầng và Đô thị	
225	2.002165.000.00.00.H01	Giải quyết yêu cầu bồi thường tại cơ quan trực tiếp quản lý người thi hành công vụ gây thiệt hại (cấp xã)	1054/QĐ-UBND	Bồi thường nhà nước (Bộ Tư pháp)	90 Ngày		63 Ngày		x	Văn phòng HĐND - UBND phường	
226	2.001406.000.00.00.H01	Chứng thực văn bản phân chia di sản mà di sản là động sản, quyền sử dụng đất, nhà ở	1852/QĐ-UBND	Chứng thực (Bộ Tư pháp)	2 Ngày làm việc		1.4 Ngày làm việc		x	Văn phòng HĐND - UBND phường	
227	2.001016.000.00.00.H01	Chứng thực văn bản từ chối nhận di sản	1852/QĐ-UBND	Chứng thực (Bộ Tư pháp)	2 Ngày		1.4 Ngày		x	Văn phòng HĐND - UBND phường	
228	2.001019.000.00.00.H01	Chứng thực di chúc	1852/QĐ-UBND	Chứng thực (Bộ Tư pháp)	02 Ngày		1.4 Ngày		x	Văn phòng HĐND - UBND phường	
229	2.001035.000.00.00.H01	Chứng thực giao dịch liên quan đến tài sản là động sản, quyền sử dụng đất, nhà ở	1852/QĐ-UBND	Chứng thực (Bộ Tư pháp)	02 Ngày		1.4 Ngày		x	Văn phòng HĐND - UBND phường	
230	3.000322.H01	Đăng ký chấm dứt giám sát việc giám hộ	1050/QĐ-UBND	Hộ tịch (Bộ Tư pháp)	3-5 ngày làm việc		2.1/ 3.5 Ngày làm việc	x		Văn phòng HĐND - UBND phường	
231	3.000323.H01	Đăng ký giám sát việc giám hộ	1050/QĐ-UBND	Hộ tịch (Bộ Tư pháp)	3-5 ngày làm việc		2.1/ 3.5 Ngày làm việc	x		Văn phòng HĐND - UBND phường	
232	2.002516.H01	Thủ tục xác nhận thông tin hộ tịch	1050/QĐ-UBND	Hộ tịch (Bộ Tư pháp)	3-10 ngày làm việc		2.1/ 7 Ngày làm việc	x		Văn phòng HĐND - UBND phường	

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	QĐ Công bố	Lĩnh vực	Rà soát, cắt giảm thời gian giải quyết TTHC				Mức độ cung cấp DV/CTT		Cơ quan tham mưu giải quyết
					Thời gian TTHC (theo quy định)	Thời gian còn lại sau khi Giảm 30%	Đơn vị tính (theo cột 8)		Toàn trình (158)	Một phần (201)	
1	2	3	4	5	8	9	10		13	14	
233	2.000748.000.00.00.H01	Thủ tục thay đổi, cải chính, bổ sung thông tin hồ tịch, xác định lại dân tộc có yếu tố nước ngoài	1050/QĐ-UBND	Hồ tịch (Bộ Tư pháp)	01-03-06 ngày làm việc	1/2.1/4.2	Ngày làm việc		x		Văn phòng HDND - UBND phường
234	2.000554.000.00.00.H01	Thủ tục ghi vào Sổ hộ tịch việc ly hôn, hủy việc kết hôn của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài	1050/QĐ-UBND	Hồ tịch (Bộ Tư pháp)	05-08 ngày làm việc	3.5/ 5.6	Ngày làm việc		x		Văn phòng HDND - UBND phường
235	2.002189.000.00.00.H01	Thủ tục ghi vào Sổ hộ tịch việc kết hôn của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài	1050/QĐ-UBND	Hồ tịch (Bộ Tư pháp)	05-08 ngày làm việc	3.5/ 5.6	Ngày làm việc		x		Văn phòng HDND - UBND phường
236	2.000547.000.00.00.H01	Thủ tục ghi vào Sổ hộ tịch việc hồ tịch khác của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài (khai sinh, giám hộ, nhân cha, mẹ, con, xác định cha, mẹ, con, nuôi con nuôi, khai tử, thay đổi hồ tịch)	1050/QĐ-UBND	Hồ tịch (Bộ Tư pháp)	01-03 ngày làm việc	1 / 2.1	Ngày làm việc		x		Văn phòng HDND - UBND phường
237	2.000779.000.00.00.H01	Thủ tục đăng ký nhân cha, mẹ, con có yếu tố nước ngoài	1050/QĐ-UBND	Hồ tịch (Bộ Tư pháp)	10 ngày làm việc	7	Ngày làm việc		x		Văn phòng HDND - UBND phường
238	2.000497.000.00.00.H01	Thủ tục đăng ký lại khai tử có yếu tố nước ngoài	1050/QĐ-UBND	Hồ tịch (Bộ Tư pháp)	05-10 ngày làm việc	3.5/ 7	Ngày làm việc		x		Văn phòng HDND - UBND phường
239	2.000522.000.00.00.H01	Thủ tục đăng ký lại khai sinh có yếu tố nước ngoài	1050/QĐ-UBND	Hồ tịch (Bộ Tư pháp)	05-25 ngày làm việc	3.5/ 17.5	Ngày làm việc		x		Văn phòng HDND - UBND phường
240	2.000513.000.00.00.H01	Thủ tục đăng ký lại kết hôn có yếu tố nước ngoài	1050/QĐ-UBND	Hồ tịch (Bộ Tư pháp)	05-25 ngày làm việc	3.5/ 17.5	Ngày làm việc			x	Văn phòng HDND - UBND phường
241	1.001766.000.00.00.H01	Thủ tục đăng ký khai tử có yếu tố nước ngoài	1050/QĐ-UBND	Hồ tịch (Bộ Tư pháp)	01-03 ngày làm việc	1 / 2.1	Ngày làm việc		x		Văn phòng HDND - UBND phường
242	1.001695.000.00.00.H01	Thủ tục đăng ký khai sinh kết hợp đăng ký nhân cha, mẹ, con có yếu tố nước ngoài	1050/QĐ-UBND	Hồ tịch (Bộ Tư pháp)	10 ngày làm việc	7	Ngày làm việc			x	Văn phòng HDND - UBND phường
243	1.000893.000.00.00.H01	Thủ tục đăng ký khai sinh có yếu tố nước ngoài cho người đã có hồ sơ, giấy tờ cá nhân	1050/QĐ-UBND	Hồ tịch (Bộ Tư pháp)	05-25 ngày làm việc	3.5/ 17.5	Ngày làm việc		x		Văn phòng HDND - UBND phường
244	2.000806.000.00.00.H01	Thủ tục đăng ký kết hôn có yếu tố nước ngoài	1050/QĐ-UBND	Hồ tịch (Bộ Tư pháp)	05-10 ngày làm việc	3.5/ 7	Ngày làm việc			x	Văn phòng HDND - UBND phường
245	1.001669.000.00.00.H01	Thủ tục đăng ký giám hộ có yếu tố nước ngoài	1050/QĐ-UBND	Hồ tịch (Bộ Tư pháp)	03-05 ngày làm việc	2.1/ 3.5	Ngày làm việc		x		Văn phòng HDND - UBND phường
246	2.000756.000.00.00.H01	Thủ tục đăng ký chấm dứt giám hộ có yếu tố nước ngoài	1050/QĐ-UBND	Hồ tịch (Bộ Tư pháp)	2 ngày làm việc	1.4	Ngày làm việc		x		Văn phòng HDND - UBND phường
247	1.005461.000.00.00.H01	Đăng ký lại khai tử	1050/QĐ-UBND	Hồ tịch (Bộ Tư pháp)	05-10 ngày làm việc	3.5/ 7	Ngày làm việc		x		Văn phòng HDND - UBND phường
248	1.004746.000.00.00.H01	Thủ tục đăng ký lại kết hôn	1050/QĐ-UBND	Hồ tịch (Bộ Tư pháp)	05-25 ngày làm việc	3.5/ 17.5	Ngày làm việc			x	Văn phòng HDND - UBND phường
249	1.004772.000.00.00.H01	Thủ tục đăng ký khai sinh cho người đã có hồ sơ, giấy tờ cá nhân	1050/QĐ-UBND	Hồ tịch (Bộ Tư pháp)	05-25 ngày làm việc	3.5/ 17.5	Ngày làm việc		x		Văn phòng HDND - UBND phường
250	1.004884.000.00.00.H01	Thủ tục đăng ký lại khai sinh	1050/QĐ-UBND	Hồ tịch (Bộ Tư pháp)	05-25 ngày làm việc	3.5/ 17.5	Ngày làm việc		x		Văn phòng HDND - UBND phường
251	1.004873.000.00.00.H01	Thủ tục cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân	1050/QĐ-UBND	Hồ tịch (Bộ Tư pháp)	03-23 ngày làm việc	2.1/ 16.1	Ngày làm việc		x		Văn phòng HDND - UBND phường
252	1.004859.000.00.00.H01	Thủ tục thay đổi, cải chính, bổ sung thông tin hộ tịch, xác định lại dân tộc	1050/QĐ-UBND	Hồ tịch (Bộ Tư pháp)	01-03-07 ngày làm việc	1/ 2.1/ 4.9	Ngày làm việc		x		Văn phòng HDND - UBND phường
253	1.004845.000.00.00.H01	Thủ tục đăng ký chấm dứt giám hộ	1050/QĐ-UBND	Hồ tịch (Bộ Tư pháp)	2 ngày làm việc	1.4	Ngày		x		Văn phòng HDND - UBND phường

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	QĐ Công bố	Lĩnh vực	Rà soát, cắt giảm thời gian giải quyết TTHC			Mức độ cung cấp DVCTT		Cơ quan tham mưu giải quyết
					Thời gian TTHC (theo quy định)	Thời gian còn lại sau khi Giám 30%	Đơn vị tính (theo cột 8)	Toàn trình (158)	Một phần (201)	
1	2	3	4	5	8	9	10	13	14	Văn phòng HĐND - UBND phường
254	1.004837.000.00.00.H01	Thủ tục đăng ký giám hộ	1050/QĐ-UBND	Hộ tịch (Bộ Tư pháp)	3 ngày làm việc	2.1 Ngày		x		Văn phòng HĐND - UBND phường
255	1.004827.000.00.00.H01	Thủ tục đăng ký khai tử có yếu tố nước ngoài tại khu vực biên giới	1050/QĐ-UBND	Hộ tịch (Bộ Tư pháp)	01-03 ngày làm việc	1/ 2.1 Ngày làm việc		x		Văn phòng HĐND - UBND phường
256	1.000080.000.00.00.H01	Thủ tục đăng ký nhận cha, mẹ, con có yếu tố nước ngoài tại khu vực biên giới	1050/QĐ-UBND	Hộ tịch (Bộ Tư pháp)	07-12 ngày làm việc	4.9/ 8.4 Ngày làm việc		x		Văn phòng HĐND - UBND phường
257	1.000094.000.00.00.H01	Thủ tục đăng ký kết hôn có yếu tố nước ngoài tại khu vực biên giới	1050/QĐ-UBND	Hộ tịch (Bộ Tư pháp)	03-08 ngày làm việc	2.1/ 5.6 Ngày làm việc			x	Văn phòng HĐND - UBND phường
258	1.000419.000.00.00.H01	Thủ tục đăng ký khai tử lưu động	1050/QĐ-UBND	Hộ tịch (Bộ Tư pháp)	5 ngày làm việc	3.5 Ngày			x	Văn phòng HĐND - UBND phường
259	1.000593.000.00.00.H01	Thủ tục đăng ký kết hôn lưu động	1050/QĐ-UBND	Hộ tịch (Bộ Tư pháp)	5 ngày làm việc	3.5 Ngày			x	Văn phòng HĐND - UBND phường
260	1.003583.000.00.00.H01	Thủ tục đăng ký khai sinh lưu động	1050/QĐ-UBND	Hộ tịch (Bộ Tư pháp)	5 ngày làm việc	3.5 Ngày làm việc			x	Văn phòng HĐND - UBND phường
261	1.000689.000.00.00.H01	Thủ tục đăng ký khai sinh kết hợp đăng ký nhận cha, mẹ, con	1050/QĐ-UBND	Hộ tịch (Bộ Tư pháp)	03-08 ngày làm việc	2.1/ 5.6 Ngày làm việc			x	Văn phòng HĐND - UBND phường
262	1.001022.000.00.00.H01	Thủ tục đăng ký nhận cha, mẹ, con	1050/QĐ-UBND	Hộ tịch (Bộ Tư pháp)	03-08 ngày làm việc	2.1/ 5.6 Ngày làm việc		x		Văn phòng HĐND - UBND phường
263	1.000894.000.00.00.H01	Thủ tục đăng ký kết hôn	1050/QĐ-UBND	Hộ tịch (Bộ Tư pháp)	01-05 ngày làm việc	0.7/ 3.5 Ngày làm việc			x	Văn phòng HĐND - UBND phường
264	1.002211.H01	Thủ tục công nhận hòa giải viên (cấp xã)	1056/QĐ-UBND	Hòa giải ở cơ sở (Bộ Tư pháp)	5 Ngày làm việc	3.5 Ngày làm việc				Văn phòng HĐND - UBND phường
265	2.000950.H01	Thủ tục công nhận tổ trưởng tổ hòa giải (cấp xã)	1056/QĐ-UBND	Hòa giải ở cơ sở (Bộ Tư pháp)	5 Ngày	3.5 Ngày		x		Văn phòng HĐND - UBND phường
266	2.002080.000.00.00.H01	Thủ tục thanh toán thù lao cho hòa giải viên	540/QĐ-UBND	Hòa giải ở cơ sở (Bộ Tư pháp)	5 Ngày làm việc	3.5 Ngày làm việc		x		Văn phòng HĐND - UBND phường
267	2.000930.000.00.00.H01	Thủ tục thôi làm hòa giải viên (cấp xã)	540/QĐ-UBND	Hòa giải ở cơ sở (Bộ Tư pháp)	05 Ngày	3.5 Ngày		x		Văn phòng HĐND - UBND phường
268	2.002363.H01	Ghi vào Sổ đăng ký nuôi con nuôi việc nuôi con nuôi đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài								
269	2.002349.000.00.00.H01	Cấp giấy xác nhận công dân Việt Nam thường trú ở khu vực biên giới đủ điều kiện nhận trẻ em của nước láng giềng cư trú ở khu vực biên giới làm con nuôi								
270	2.001255.000.00.00.H01	Đăng ký lại việc nuôi con nuôi trong nước	1064/QĐ-UBND	Nuôi con nuôi (Bộ Tư pháp)	01-03 ngày làm việc	0.7/ 2.1 Ngày làm việc		x		Văn phòng HĐND - UBND phường
271	2.001263.000.00.00.H01	Đăng ký việc nuôi con nuôi trong nước	1064/QĐ-UBND	Nuôi con nuôi (Bộ Tư pháp)	10 Ngày làm việc	7 Ngày		x		Văn phòng HĐND - UBND phường
272	1.003005.000.00.00.H01	Giải quyết việc người nước ngoài cư trú ở khu vực biên giới nước láng giềng nhận trẻ em Việt Nam làm con nuôi	1064/QĐ-UBND	Nuôi con nuôi (Bộ Tư pháp)	5 Ngày làm việc	3.5 Ngày làm việc		x		Văn phòng HĐND - UBND phường
273	1.014312.H01	Thủ tục thôi hưởng trợ cấp sinh hoạt hàng tháng, bảo hiểm y tế đối với Nghề nhân nhân dân, Nghề nhân ưu tú	1751/QĐ-UBND	Di sản văn hóa (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)	42 Ngày	29.4 Ngày			x	Văn phòng HĐND - UBND phường
274	1.014310.H01	Thủ tục hưởng trợ cấp sinh hoạt hàng tháng đối với Nghề nhân nhân dân, Nghề nhân ưu tú	1751/QĐ-UBND	Di sản văn hóa (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)	15 ngày làm việc	10.5 Ngày làm việc		x		Phòng Văn hóa - Xã hội
275	1.009477	Thủ tục đăng ký để nghị hỗ trợ đầu tư (cấp xã)	622/QĐ-UBND	Du lịch (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)	5 ngày làm việc	3.5 Ngày làm việc			x	Phòng Văn hóa - Xã hội
276	1.013795.H01	Thủ tục cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng	1074/QĐ-UBND	Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)	5 Ngày làm việc	3.5 Ngày làm việc		x		Phòng Văn hóa - Xã hội

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	QĐ Công bố	Lĩnh vực	Rà soát, cắt giảm thời gian giải quyết TTHC				Mức độ cung cấp DVCTT	Cơ quan tham mưu giải quyết
					Thời gian TTHC (theo quy định)	Thời gian còn lại sau khi Giảm 30%	Đơn vị tính (theo cột 8)	Toàn trình (158)	Một phần (201)	
1	2	3	4	5	8	9	10	13	14	
277	1.013794.H01	Thủ tục gia hạn giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng	1074/QĐ-UBND	Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)	5 Ngày làm việc		3.5 Ngày làm việc	x		Phòng Văn hóa - Xã hội
278	1.013793.H01	Thủ tục sửa đổi, bổ sung giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng	1074/QĐ-UBND	Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)	5 Ngày làm việc		3.5 Ngày làm việc	x		Phòng Văn hóa - Xã hội
279	1.013792.H01	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng	1074/QĐ-UBND	Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)	15 Ngày		10.5 Ngày	x		Phòng Văn hóa - Xã hội
280	2.000794.000.00.00.H01	Thủ tục công nhận câu lạc bộ thể thao cơ sở	1972/QĐ-UBND	Thể dục thể thao (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)	7 Ngày		4.9 Ngày		x	Phòng Văn hóa - Xã hội
281	1.013791.H01	Thủ tục tiếp nhận hồ sơ đăng ký lễ hội quy mô cấp xã	1074/QĐ-UBND	Văn hóa (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)	15 Ngày làm việc		10.5 Ngày làm việc	x		Phòng Văn hóa - Xã hội
282	1.003622.000.00.00.H01	Thủ tục thông báo tổ chức lễ hội cấp xã	1972/QĐ-UBND	Văn hóa (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)	15 Ngày		10.5 Ngày	x		Phòng Văn hóa - Xã hội
283	1.013061.H01	Cấp giấy phép thi công công trình trên đường bộ đang khai thác	1091/QĐ-UBND	Đường bộ (Bộ Xây dựng)	07 Ngày làm việc		4.9 Ngày làm việc	x		Phòng Kinh tế - Hạ tầng và Đô thị
284	1.000314.000.00.00.H01	Chấp thuận vị trí đầu nối lạng vào đường bộ đang khai thác	1051/QĐ-UBND	Đường bộ (Bộ Xây dựng)	7 Ngày làm việc		4.9 Ngày làm việc	x		Phòng Kinh tế - Hạ tầng và Đô thị
285	2.001921.000.00.00.H01	Chấp thuận vị trí, quy mô, kích thước, phương án tổ chức thi công biện pháp đào, biện thông tin cổ động, tuyên truyền chính trị, chấp thuận xây dựng, lắp đặt công trình hạ tầng, công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng đường bộ, chấp thuận gia cường công trình đường bộ khi cần thiết để cho phép xe quá khổ giới hạn, xe quá tải trọng, xe bán xích lưu hành trên đường bộ	1051/QĐ-UBND	Đường bộ (Bộ Xây dựng)	07 Ngày làm việc		4.9 Ngày làm việc	x		Phòng Kinh tế - Hạ tầng và Đô thị
286	1.002693.000.00.00.H01	Cấp giấy phép chặt hạ, dịch chuyển cây xanh	1798/QĐ-UBND	Hạ tầng kỹ thuật (Bộ Xây dựng)	15 Ngày làm việc		10.5 Ngày làm việc		x	Phòng Kinh tế - Hạ tầng và Đô thị
287	1.009465.000.00.00.H01	Chấp thuận phương án bảo đảm an toàn giao thông	1053/QĐ-UBND	Hàng hải và đường thủy nội địa (Bộ Xây dựng)	5 Ngày làm việc		3.5 Ngày làm việc	x		Phòng Kinh tế - Hạ tầng và Đô thị
288	1.009455.000.00.00.H01	Công bố hoạt động bến khách ngang sông, bến thủy nội địa phục vụ thi công công trình chính	1053/QĐ-UBND	Hàng hải và đường thủy nội địa (Bộ Xây dựng)	5 Ngày làm việc		3.5 Ngày làm việc	x		Phòng Kinh tế - Hạ tầng và Đô thị
289	1.009454.000.00.00.H01	Công bố hoạt động bến thủy nội địa	1053/QĐ-UBND	Hàng hải và đường thủy nội địa (Bộ Xây dựng)	5 Ngày làm việc		3.5 Ngày làm việc	x		Phòng Kinh tế - Hạ tầng và Đô thị
290	1.009447.000.00.00.H01	Công bố đóng cảng, bến thủy nội địa	1053/QĐ-UBND	Hàng hải và đường thủy nội địa (Bộ Xây dựng)	5 Ngày làm việc		3.5 Ngày làm việc	x		Phòng Kinh tế - Hạ tầng và Đô thị
291	1.009444.000.00.00.H01	Gia hạn hoạt động cảng, bến thủy nội địa	1053/QĐ-UBND	Hàng hải và đường thủy nội địa (Bộ Xây dựng)	5 Ngày làm việc		3.5 Ngày làm việc	x		Phòng Kinh tế - Hạ tầng và Đô thị
292	1.009453.000.00.00.H01	Thỏa thuận thông số kỹ thuật xây dựng bến khách ngang sông, bến thủy nội địa phục vụ thi công công trình chính	1053/QĐ-UBND	Hàng hải và đường thủy nội địa (Bộ Xây dựng)	5 Ngày làm việc		3.5 Ngày làm việc	x		Phòng Kinh tế - Hạ tầng và Đô thị
293	1.009452.000.00.00.H01	Thỏa thuận thông số kỹ thuật xây dựng bến thủy nội địa	1053/QĐ-UBND	Hàng hải và đường thủy nội địa (Bộ Xây dựng)	5 Ngày làm việc		3.5 Ngày làm việc	x		Phòng Kinh tế - Hạ tầng và Đô thị
294	2.001211.000.00.00.H01	Xóa đăng ký phương tiện hoạt động vui chơi, giải trí dưới nước	1053/QĐ-UBND	Hàng hải và đường thủy nội địa (Bộ Xây dựng)	2 Ngày làm việc		1.4 Ngày làm việc	x		Phòng Kinh tế - Hạ tầng và Đô thị
295	2.001212.000.00.00.H01	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện hoạt động vui chơi, giải trí dưới nước	1053/QĐ-UBND	Hàng hải và đường thủy nội địa (Bộ Xây dựng)	3 Ngày làm việc		2.1 Ngày làm việc	x		Phòng Kinh tế - Hạ tầng và Đô thị

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	QĐ Công bố	Lĩnh vực	Rà soát, cải giảm thời gian giải quyết TTHC				Mức độ cung cấp DVCTT		Cơ quan tham mưu giải quyết
					Thời gian TTHC (theo quy định)	Thời gian còn lại sau khi Giảm 30%	Đơn vị tính (theo cột 8)	Toàn trình (158)	Một phần (201)		
1	2	3	4	5	8	9	10	13	14		
296	2.001214.000.00.00.H01	Đăng ký lại phương tiện hoạt động vui chơi, giải trí dưới nước	1053/QĐ-UBND	Hàng hải và đường thủy nội địa (Bộ Xây dựng)	3 Ngày làm việc	2.1 Ngày làm việc		x		Phòng Kinh tế - Hạ tầng và Đô thị	
297	2.001217.000.00.00.H01	Đóng, không cho phép hoạt động tại vùng nước khác không thuộc vùng nước trên tuyến đường thủy nội địa, vùng nước cảng biển hoặc khu vực hàng hải, được đánh dấu, xác định vị trí bằng phao hoặc cờ hiệu có màu sắc dễ quan sát	1053/QĐ-UBND	Hàng hải và đường thủy nội địa (Bộ Xây dựng)	2 Ngày làm việc	1.4 Ngày làm việc		x		Phòng Kinh tế - Hạ tầng và Đô thị	
298	2.001218.000.00.00.H01	Công bố mở, cho phép hoạt động tại vùng nước khác không thuộc vùng nước trên tuyến đường thủy nội địa, vùng nước cảng biển hoặc khu vực hàng hải, được đánh dấu, xác định vị trí bằng phao hoặc cờ hiệu có màu sắc dễ quan sát	1053/QĐ-UBND	Hàng hải và đường thủy nội địa (Bộ Xây dựng)	5 Ngày làm việc	3.5 Ngày làm việc		x		Phòng Kinh tế - Hạ tầng và Đô thị	
299	2.001215.000.00.00.H01	Đăng ký phương tiện hoạt động vui chơi, giải trí dưới nước lần đầu	1053/QĐ-UBND	Hàng hải và đường thủy nội địa (Bộ Xây dựng)	3 Ngày làm việc	2.1 Ngày làm việc		x		Phòng Kinh tế - Hạ tầng và Đô thị	
300	1.003658.000.00.00.H01	Công bố lại hoạt động bến thủy nội địa	1053/QĐ-UBND	Hàng hải và đường thủy nội địa (Bộ Xây dựng)	5 Ngày làm việc	3.5 Ngày làm việc		x		Phòng Kinh tế - Hạ tầng và Đô thị	
301	1.006391.000.00.00.H01	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chủ phương tiện thay đổi trụ sở hoặc nơi đăng ký hộ khẩu thường trú của chủ phương tiện sang đơn vị hành chính cấp tỉnh khác	1093/QĐ-UBND	Hàng hải và đường thủy nội địa (Bộ Xây dựng)	2 Ngày làm việc	1.4 Ngày làm việc		x		Phòng Kinh tế - Hạ tầng và Đô thị	
302	2.001659.000.00.00.H01	Xóa đăng ký phương tiện	1093/QĐ-UBND	Hàng hải và đường thủy nội địa (Bộ Xây dựng)	2 Ngày làm việc	1.4 Ngày làm việc		x		Phòng Kinh tế - Hạ tầng và Đô thị	
303	1.003930.000.00.00.H01	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện	1093/QĐ-UBND	Hàng hải và đường thủy nội địa (Bộ Xây dựng)	2 Ngày làm việc	1.4 Ngày làm việc		x		Phòng Kinh tế - Hạ tầng và Đô thị	
304	1.003970.000.00.00.H01	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển quyền sở hữu phương tiện đồng thời thay đổi cơ quan đăng ký phương tiện	1093/QĐ-UBND	Hàng hải và đường thủy nội địa (Bộ Xây dựng)	2 Ngày làm việc	1.4 Ngày làm việc		x		Phòng Kinh tế - Hạ tầng và Đô thị	
305	1.004002.000.00.00.H01	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển quyền sở hữu phương tiện nhưng không thay đổi cơ quan đăng ký phương tiện	1093/QĐ-UBND	Hàng hải và đường thủy nội địa (Bộ Xây dựng)	2 Ngày làm việc	1.4 Ngày làm việc		x		Phòng Kinh tế - Hạ tầng và Đô thị	
306	2.001711.000.00.00.H01	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp phương tiện thay đổi tên, tính năng kỹ thuật	1093/QĐ-UBND	Hàng hải và đường thủy nội địa (Bộ Xây dựng)	2 Ngày làm việc	1.4 Ngày làm việc		x	x	Phòng Kinh tế - Hạ tầng và Đô thị	
307	1.004036.000.00.00.H01	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển từ cơ quan đăng ký khác sang cơ quan đăng ký phương tiện thủy nội địa	1093/QĐ-UBND	Hàng hải và đường thủy nội địa (Bộ Xây dựng)	2 Ngày làm việc	1.4 Ngày làm việc		x		Phòng Kinh tế - Hạ tầng và Đô thị	
308	1.004047.000.00.00.H01	Đăng ký phương tiện lần đầu đổi với phương tiện đang khai thác trên đường thủy nội địa	1093/QĐ-UBND	Hàng hải và đường thủy nội địa (Bộ Xây dựng)	2 Ngày làm việc	1.4 Ngày làm việc		x		Phòng Kinh tế - Hạ tầng và Đô thị	
309	1.004088.000.00.00.H01	Đăng ký phương tiện lần đầu đổi với phương tiện chưa khai thác trên đường thủy nội địa	1093/QĐ-UBND	Hàng hải và đường thủy nội địa (Bộ Xây dựng)	2 Ngày làm việc	1.4 Ngày làm việc		x		Phòng Kinh tế - Hạ tầng và Đô thị	
310	1.013234.H01	Thẩm định Thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở/Thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở điều chỉnh; Thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng/Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng điều chỉnh	1051/QĐ-UBND	Hoạt động xây dựng (Bộ Xây dựng)	40 Ngày	28 Ngày			x	Phòng Kinh tế - Hạ tầng và Đô thị	
311	1.013239.H01	Gia hạn giấy phép xây dựng đối với công trình cấp III, cấp IV (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tin ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Sửa chữa, cải tạo/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ	1051/QĐ-UBND	Hoạt động xây dựng (Bộ Xây dựng)	35 Ngày	24,5 Ngày			x	Phòng Kinh tế - Hạ tầng và Đô thị	
312	1.013227.H01		1051/QĐ-UBND	Hoạt động xây dựng (Bộ Xây dựng)	05 Ngày làm việc	3.5 Ngày làm việc			x	Phòng Kinh tế - Hạ tầng và Đô thị	

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	QB Công bố	Lĩnh vực	Rà soát, cắt giảm thời gian giải quyết TTHC				Mức độ cung cấp DVCTT		Cơ quan tham mưu giải quyết
					Thời gian TTHC (theo quy định)	Thời gian còn lại sau khi Giảm 30%	Đơn vị tính (theo cột 8)	Toàn trình (158)	Một phần (201)		
1	2	3	4	5	8	9	10	13	14		
313	1.013228.H01	Cấp lại giấy phép xây dựng đối với công trình cấp III, cấp IV (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tin ngưỡng, tôn giáo/Tương đài, tranh hoành tráng/Sửa chữa, cải tạo/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ	1051/QĐ-UBND	Hoạt động xây dựng (Bộ Xây dựng)	05 Ngày làm việc	3.5 Ngày làm việc			x	Phòng Kinh tế - Hạ tầng và Đô thị	
314	1.013229.H01	Cấp giấy phép xây dựng sửa chữa, cải tạo đối với công trình cấp III, cấp IV (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tin ngưỡng, tôn giáo/Tương đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ.	1051/QĐ-UBND	Hoạt động xây dựng (Bộ Xây dựng)	20 Ngày	14 Ngày			x	Phòng Kinh tế - Hạ tầng và Đô thị	
315	1.013225.H01	Cấp giấy phép xây dựng mới đối với công trình cấp III, cấp IV (Công trình không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tin ngưỡng, tôn giáo/Tương đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ	1051/QĐ-UBND	Hoạt động xây dựng (Bộ Xây dựng)	20 Ngày	14 Ngày			x	Phòng Kinh tế - Hạ tầng và Đô thị	
316	1.013232.H01	Cấp giấy phép đi dơi đối với công trình cấp III, cấp IV (Công trình không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tin ngưỡng, tôn giáo/Tương đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ	1051/QĐ-UBND	Hoạt động xây dựng (Bộ Xây dựng)	20 Ngày	14 Ngày			x	Phòng Kinh tế - Hạ tầng và Đô thị	
317	1.013226.H01	Cấp điều chỉnh giấy phép xây dựng đối với công trình cấp III, cấp IV (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tin ngưỡng, tôn giáo/Tương đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ	1051/QĐ-UBND	Hoạt động xây dựng (Bộ Xây dựng)	20 Ngày	14 Ngày			x	Phòng Kinh tế - Hạ tầng và Đô thị	
318	1.012888.H01	Công nhận Ban quản trị nhà chung cư	1094/QĐ-UBND	Nhà ở và công sở (Bộ Xây dựng)	7 Ngày làm việc	4.9 Ngày làm việc		x		Phòng Kinh tế - Hạ tầng và Đô thị	
319	1.014159.H01	Cung cấp thông tin quy hoạch đô thị và nông thôn	860/QĐ-UBND	Quy hoạch đô thị và nông thôn (Bộ Xây dựng)	10 Ngày	7 Ngày		x		Phòng Kinh tế - Hạ tầng và Đô thị	
320	1.014157.H01	Thẩm định quy hoạch, điều chỉnh quy hoạch đô thị và nông thôn do nhà đầu tư đã được lựa chọn để thực hiện dự án đầu tư tổ chức lập	860/QĐ-UBND	Quy hoạch đô thị và nông thôn (Bộ Xây dựng)	30 Ngày	21 Ngày			x	Phòng Kinh tế - Hạ tầng và Đô thị	
321	1.014156.H01	Phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch, nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch đô thị và nông thôn do nhà đầu tư đã được lựa chọn để thực hiện dự án đầu tư tổ chức lập	860/QĐ-UBND	Quy hoạch đô thị và nông thôn (Bộ Xây dựng)	7 Ngày làm việc	4.9 Ngày làm việc		x		Phòng Kinh tế - Hạ tầng và Đô thị	
322	1.014155.H01	Thẩm định nhiệm vụ quy hoạch, nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch đô thị và nông thôn do nhà đầu tư đã được lựa chọn để thực hiện dự án đầu tư tổ chức lập	860/QĐ-UBND	Quy hoạch đô thị và nông thôn (Bộ Xây dựng)	15 Ngày	10.5 Ngày			x	Phòng Kinh tế - Hạ tầng và Đô thị	
323	1.014027.H01	Thực hiện, điều chỉnh, thời hướng trợ cấp hưu trí xã hội	218/QĐ-UBND	Bảo trợ xã hội (Bộ Y tế)	10 ngày làm việc	7 Ngày làm việc			x	Phòng Văn hóa - Xã hội	
324	1.014028.H01	Hỗ trợ chi phí mai táng đối với đối tượng hưởng trợ cấp hưu trí xã hội	218/QĐ-UBND	Bảo trợ xã hội (Bộ Y tế)	3 ngày làm việc	2.1 Ngày làm việc			x	Phòng Văn hóa - Xã hội	
325	2.000477.000.00.00.H01	Đường trợ giúp xã hội tại cơ sở trợ giúp xã hội	1189/QĐ-UBND	Bảo trợ xã hội (Bộ Y tế)	7 Ngày làm việc	4.9 Ngày làm việc			x	Phòng Văn hóa - Xã hội	
326	2.000282.000.00.00.H01	Tiếp nhận đối tượng cần bảo vệ khẩn cấp vào cơ sở trợ giúp xã hội	1189/QĐ-UBND	Bảo trợ xã hội (Bộ Y tế)	10 Ngày	7 Ngày			x	Phòng Văn hóa - Xã hội	

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	QĐ Công bố	Lĩnh vực	Rà soát, cắt giảm thời gian giải quyết TTHC			Mức độ cung cấp DVCTT		Cơ quan tham mưu giải quyết
					Thời gian TTHC (theo quy định)	Đơn vị tính (theo cột 8)	Thời gian còn lại sau khi Giám 30%	Toàn trình (158)	Một phần (201)	
1	2	3	4	5	8	9	10	13	14	
327	2.000286.000.00.00.H01	Tiếp nhận đối tượng bảo trợ xã hội có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn vào cơ sở trợ giúp xã hội	1189/QĐ-UBND	Bảo trợ xã hội (Bộ Y tế)	32 Ngày		22.4 Ngày		x	Phòng Văn hóa - Xã hội
328	1.001731.000.00.00.H01	Hỗ trợ chi phí mai táng cho đối tượng bảo trợ xã hội	1189/QĐ-UBND	Bảo trợ xã hội (Bộ Y tế)	03 Ngày làm việc		2.1 Ngày làm việc	x		Phòng Văn hóa - Xã hội
329	1.001776.000.00.00.H01	Thực hiện, điều chỉnh, thời hướng trợ cấp xã hội hàng tháng, hỗ trợ kinh phí chăm sóc, nuôi dưỡng hàng tháng	1189/QĐ-UBND	Bảo trợ xã hội (Bộ Y tế)	10 Ngày làm việc		7 Ngày làm việc		x	Phòng Văn hóa - Xã hội
330	1.001699.000.00.00.H01	Xác định, xác định lại mức độ khuyết tật và cấp Giấy xác nhận khuyết tật	528/QĐ-UBND	Bảo trợ xã hội (Bộ Y tế)	25 Ngày làm việc		17.5 Ngày làm việc		x	Phòng Văn hóa - Xã hội
331	1.001653.000.00.00.H01	Đổi, cấp lại Giấy xác nhận khuyết tật	528/QĐ-UBND	Bảo trợ xã hội (Bộ Y tế)	05 Ngày làm việc		3.5 Ngày làm việc		x	Phòng Văn hóa - Xã hội
332	2.000355.000.00.00.H01	Đăng ký hoạt động đối với cơ sở trợ giúp xã hội dưới 10 đối tượng có hoàn cảnh khó khăn	1189/QĐ-UBND	Bảo trợ xã hội (Bộ Y tế)	10 Ngày làm việc		7 Ngày làm việc		x	Phòng Văn hóa - Xã hội
333	2.001088.000.00.00.H01	Xét hướng chỉnh sách hỗ trợ cho đối tượng sinh con đúng chính sách dân số	1612/QĐ-UBND	Dân số, Bà mẹ - Trẻ em (Bộ Y tế)	10 Ngày làm việc		7 Ngày làm việc		x	Phòng Văn hóa - Xã hội
334	1.010941.000.00.00.H01	Đăng ký cai nghiện ma túy tự nguyện	1272/QĐ-UBND	Phòng, chống tệ nạn xã hội (Bộ Y tế)	03 Ngày làm việc		2.1 Ngày làm việc		x	Phòng Văn hóa - Xã hội
335	1.010940.000.00.00.H01	Công bố cơ sở cai nghiện ma túy tự nguyện, cơ sở cai nghiện ma túy công lập đủ điều kiện cung cấp dịch vụ cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng	1272/QĐ-UBND	Phòng, chống tệ nạn xã hội (Bộ Y tế)	10 Ngày làm việc		7 Ngày làm việc		x	Phòng Văn hóa - Xã hội
336	1.010939.000.00.00.H01	Công bố lại tổ chức, cá nhân cung cấp dịch vụ cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng	1272/QĐ-UBND	Phòng, chống tệ nạn xã hội (Bộ Y tế)	10 Ngày làm việc		7 Ngày làm việc		x	Phòng Văn hóa - Xã hội
337	1.010938.000.00.00.H01	Công bố tổ chức, cá nhân đủ điều kiện cung cấp dịch vụ cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng	1272/QĐ-UBND	Phòng, chống tệ nạn xã hội (Bộ Y tế)	10 Ngày làm việc		7 Ngày làm việc		x	Phòng Văn hóa - Xã hội
338	2.001661.000.00.00.H01	Hỗ trợ học văn hóa, học nghề, trợ cấp khó khăn ban đầu cho nạn nhân	218/QĐ-UBND	Phòng, chống tệ nạn xã hội (Bộ Y tế)	9 Ngày làm việc		6.3 Ngày làm việc		x	Phòng Văn hóa - Xã hội
339	1.012422.H01	Đề nghị xét tặng Danh hiệu "Thầy thuốc Nhân dân", "Thầy thuốc Ưu tú"	1248/QĐ-UBND	Thi đua, khen thưởng (Bộ Y tế)	6 Tháng		4.2 Tháng		x	Phòng Văn hóa - Xã hội
340	1.004944.000.00.00.H01	Chăm dứt việc chăm sóc thay thế cho trẻ em	1189/QĐ-UBND	Trẻ em (Bộ Y tế)	05 Ngày làm việc		3.5 Ngày làm việc	x		Phòng Văn hóa - Xã hội
341	2.001942.000.00.00.H01	Chuyển trẻ em đang được chăm sóc thay thế tại cơ sở trợ giúp xã hội đến cá nhân, gia đình nhận chăm sóc thay thế	1189/QĐ-UBND	Trẻ em (Bộ Y tế)	25 Ngày làm việc		17.5 Ngày làm việc	x		Phòng Văn hóa - Xã hội
342	2.001944.000.00.00.H01	Thông báo nhận chăm sóc thay thế cho trẻ em đối với cá nhân, người đại diện gia đình nhận chăm sóc thay thế là người thân thích của trẻ em	1189/QĐ-UBND	Trẻ em (Bộ Y tế)	15 Ngày làm việc		10.5 Ngày làm việc			Phòng Văn hóa - Xã hội
343	1.004941.000.00.00.H01	Đăng ký nhận chăm sóc thay thế cho trẻ em đối với cá nhân, người đại diện gia đình nhận chăm sóc thay thế không phải là người thân thích của trẻ em	1189/QĐ-UBND	Trẻ em (Bộ Y tế)	15 Ngày làm việc		10.5 Ngày làm việc	x		Phòng Văn hóa - Xã hội
344	2.001947.000.00.00.H01	Phê duyệt kế hoạch hỗ trợ, can thiệp đối với trẻ em bị xâm hại hoặc có nguy cơ bị bạo lực, bóc lột, bỏ rơi và trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt	1189/QĐ-UBND	Trẻ em (Bộ Y tế)	07 Ngày làm việc		4.9 Ngày làm việc	x		Phòng Văn hóa - Xã hội
345	1.012223.H01	Đưa ra khỏi danh sách và thay thế, bổ sung người có uy tín	266/QĐ-UBND	Công tác dân tộc (Dân tộc và Tôn giáo)	20 Ngày làm việc		14 Ngày làm việc		x	Phòng Văn hóa - Xã hội
346	1.012222.H01	Công nhận người có uy tín	266/QĐ-UBND	Công tác dân tộc (Dân tộc và Tôn giáo)	20 Ngày		14 Ngày		x	Phòng Văn hóa - Xã hội

STT	Mã TTTHC	Tên TTTHC	QĐ Công bố	Lĩnh vực	Rà soát, cắt giảm thời gian giải quyết TTTHC				Mức độ cung cấp DVCCT		Cơ quan tham mưu giải quyết
					Thời gian TTTHC (theo quy định)	Thời gian còn lại sau khi Giảm 30%	Đơn vị tính (theo cột 8)	Tiêu chuẩn trình (158)	Một phần (201)		
1	2	3	4	5	8	9	10	13	14		
347	1.013796.H01	THỦ TỤC ĐỀ NGHỊ TỜ CHỨC ĐẠI HỘI CỦA TỜ CHỨC TÔN GIÁO, TỜ CHỨC TÔN GIÁO TRƯỚC THUỐC, TỜ CHỨC ĐƯỢC CẤP CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ HOẠT ĐỘNG TÔN GIÁO CÓ ĐỊA BÀN HOẠT ĐỘNG Ở MỘT XÃ	266/QĐ-UBND.	Tin ngưỡng, tôn giáo (Dân tộc và Tôn giáo)	25 Ngày	17.5 Ngày			X	Phòng Văn hóa - Xã hội	
348	1.013797.H01	THỦ TỤC ĐỀ NGHỊ TỜ CHỨC CUỘC LỄ NGOÀI CƠ SỞ TÔN GIÁO, ĐỊA ĐIỂM HỢP PHÁP ĐÃ ĐĂNG KÝ CÓ QUY MÔ TỜ CHỨC Ở MỘT XÃ	266/QĐ-UBND.	Tin ngưỡng, tôn giáo (Dân tộc và Tôn giáo)	25 Ngày	17.5 Ngày			X	Phòng Văn hóa - Xã hội	
349	1.013798.H01	THỦ TỤC ĐỀ NGHỊ GIẢNG ĐẠO NGOÀI ĐỊA BÀN PHỤ TRÁCH, CƠ SỞ TÔN GIÁO, ĐỊA ĐIỂM HỢP PHÁP ĐÃ ĐĂNG KÝ CÓ QUY MÔ TỜ CHỨC TRONG MỘT XÃ	266/QĐ-UBND.	Tin ngưỡng, tôn giáo (Dân tộc và Tôn giáo)	25 Ngày	17.5 Ngày			X	Phòng Văn hóa - Xã hội	
350	1.012584.H01	THỦ TỤC ĐỀ NGHỊ THAY ĐỔI ĐỊA ĐIỂM SINH HOẠT TÔN GIÁO TẬP TRUNG TRONG ĐỊA BÀN MỘT XÃ (CẤP XÃ)	266/QĐ-UBND.	Tin ngưỡng, tôn giáo (Dân tộc và Tôn giáo)	20 Ngày	14 Ngày			X	Phòng Văn hóa - Xã hội	
351	1.012582.H01	THỦ TỤC ĐỀ NGHỊ THAY ĐỔI ĐỊA ĐIỂM SINH HOẠT TÔN GIÁO TẬP TRUNG ĐẾN ĐỊA BÀN XÃ KHÁC (CẤP XÃ)	266/QĐ-UBND.	Tin ngưỡng, tôn giáo (Dân tộc và Tôn giáo)	20 Ngày	14 Ngày			X	Phòng Văn hóa - Xã hội	
352	1.012585.H01	THỦ TỤC ĐĂNG KÝ THAY ĐỔI NGƯỜI ĐẠI DIỆN CỦA NHÓM SINH HOẠT TÔN GIÁO TẬP TRUNG (CẤP XÃ)	266/QĐ-UBND.	Tin ngưỡng, tôn giáo (Dân tộc và Tôn giáo)	15 Ngày	10.5 Ngày			X	Phòng Văn hóa - Xã hội	
353	1.012590.H01	THỦ TỤC ĐĂNG KÝ SINH HOẠT TÔN GIÁO TẬP TRUNG (CẤP XÃ)	266/QĐ-UBND.	Tin ngưỡng, tôn giáo (Dân tộc và Tôn giáo)	20 Ngày	14 Ngày			X	Phòng Văn hóa - Xã hội	
354	1.012592.H01	THỦ TỤC ĐĂNG KÝ HOẠT ĐỘNG TIN NGƯỠNG (CẤP XÃ)	266/QĐ-UBND.	Tin ngưỡng, tôn giáo (Dân tộc và Tôn giáo)	15 Ngày	10.5 Ngày			X	Phòng Văn hóa - Xã hội	
355	1.012591.H01	THỦ TỤC ĐĂNG KÝ BỎ SÚNG HOẠT ĐỘNG TIN NGƯỠNG (CẤP XÃ)	266/QĐ-UBND.	Tin ngưỡng, tôn giáo (Dân tộc và Tôn giáo)	15 Ngày	10.5 Ngày			X	Phòng Văn hóa - Xã hội	
356	2.002396.000.00.00.H01	Thu tục giải quyết tờ cáo tại cấp xã	2709/QĐ-UBND	Giải quyết tờ cáo (Thanh tra Chính phủ)	30 Ngày	21 Ngày			X	Văn phòng HĐND - UBND phường	
357	2.002401.000.00.00.H01	Thu tục xác minh tài sản, thu nhập	582/QĐ-UBND	Phòng, chống tham nhũng (Thanh tra Chính phủ)	115 Ngày	80.5 Ngày			X	Văn phòng HĐND - UBND phường	
358	2.002402.000.00.00.H01	Thu tục tiếp nhận yêu cầu giải trình	582/QĐ-UBND	Phòng, chống tham nhũng (Thanh tra Chính phủ)	5 Ngày	3.5 Ngày			X	Văn phòng HĐND - UBND phường	
359	2.002501.000.00.00.H01	Thu tục xử lý đơn tại cấp xã	1182/QĐ-UBND	Xử lý đơn thư (Thanh tra Chính phủ)	10 Ngày	7 Ngày			X	Văn phòng HĐND - UBND phường	
360	2.002403.000.00.00.H01	Thu tục thực hiện việc giải trình	582/QĐ-UBND	Phòng, chống tham nhũng (Thanh tra Chính phủ)	15 Ngày	10.5 Ngày			X	Văn phòng HĐND - UBND phường	
361	1.010945.000.00.00.H01	Thu tục tiếp công dân tại cấp xã	1182/QĐ-UBND	Tiếp công dân (Thanh tra Chính phủ)	10 Ngày làm việc	7 Ngày làm việc			X	Văn phòng HĐND - UBND phường	